

LỜI NÓI ĐẦU

Mỗi doanh nghiệp là mắt xích quan trọng trong nền kinh tế quốc dân. Sự phát triển của doanh nghiệp góp phần đảm bảo cho nền kinh tế phồn vinh, thịnh vượng. Nền kinh tế thị trường của nước ta trong những năm qua đã đạt được những bước tiến vững mạnh và ngày càng có nhiều doanh nghiệp thích ứng các quy luật của nền kinh tế thị trường, làm ăn mang lại lợi nhuận cao. Có được những kết quả đó là nhờ những nỗ lực không ngừng của mỗi doanh nghiệp ở tất cả các khâu từ sản xuất, lưu thông, phân phối đến tiêu thụ.

Quá trình sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp là quá trình vận động liên tục của vốn kinh doanh theo chu kỳ T-H-T. Trong quá trình đó luôn có một bộ phận vốn dừng lại ở hình thái tiền tệ, bộ phận này được gọi là Vốn bằng tiền. Vốn bằng tiền là loại tài sản đặc biệt, là vật ngang giá chung nên trong quá trình quản lý rất dễ xảy ra tham ô lãng phí do vậy vốn bằng tiền cần được quản lý một cách chặt chẽ.

Với kiến thức đã học trong nhà trường và thực tế tìm hiểu tại em đã chọn đề tài “Hoàn thiện tổ chức kế toán vốn bằng tiền tại Công ty cổ phần Cảng Đoạn Xá” nhằm củng cố nâng cao kiến thức và góp phần nhỏ bé vào việc hoàn thiện các nghiệp vụ cơ bản về kế toán tài chính của doanh nghiệp. Nội dung bài khóa luận của em gồm 3 chương như sau:

Chương I: Lý luận chung về tổ chức kế toán vốn bằng tiền trong doanh nghiệp.

Chương II: Thực trạng tổ chức kế toán vốn bằng tiền tại Công ty cổ phần Cảng Đoạn Xá.

Chương III: Một số ý kiến nhằm hoàn thiện tổ chức kế toán vốn bằng tiền tại Công ty cổ phần Cảng Đoạn Xá

Trong thời gian thực hiện khóa luận em đã nhận được sự giúp đỡ tận tình của Ths Nguyễn Thị Mai Linh và các cán bộ trong phòng kế toán của công ty. Vì trình độ còn hạn chế, thời gian có hạn lên bài khóa luận của em chắc chắn sẽ không tránh khỏi những sai sót, em rất mong sự góp ý của các thầy cô giáo và các bạn để khóa luận của em được hoàn thiện hơn.

Em xin chân thành cảm ơn !

Hải Phòng, ngày 28 tháng 6 năm 2011

Sinh viên: Nguyễn Thị Nguyệt

CHƯƠNG I

NHỮNG VẤN ĐỀ CƠ BẢN VỀ TỔ CHỨC CÔNG TÁC KẾ TOÁN VỐN BẰNG TIỀN TẠI DOANH NGHIỆP

1.1. Những vấn đề chung về vốn bằng tiền trong doanh nghiệp:

1.1.1 Khái niệm, ý nghĩa & nhiệm vụ hạch toán vốn bằng tiền:

Vốn bằng tiền là một bộ phận của tài sản lưu động, bao gồm: tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ở các ngân hàng, công ty tài chính và tiền đang chuyển.

Trong quá trình sản xuất kinh doanh, vốn bằng tiền vừa dùng để đáp ứng nhu cầu về thanh toán các khoản nợ của doanh nghiệp hoặc mua sắm vật tư để sản xuất kinh doanh vừa là kết quả của việc mua bán hoặc thu hồi các khoản nợ. Chính vì vậy, quy mô vốn bằng tiền phản ánh khả năng thanh toán tức thời của doanh nghiệp và là một bộ phận quan trọng của vốn lưu động. Mặt khác, vốn bằng tiền là loại vốn đòi hỏi doanh nghiệp phải quản lý hết sức chặt chẽ vì trong quá trình luân chuyển vốn bằng tiền rất dễ bị tham ô, lợi dụng, mất mát. Do vậy việc sử dụng vốn bằng tiền cần phải tuân thủ các nguyên tắc, chế độ quản lý tiền tệ thống nhất của Nhà nước. Chẳng hạn, tiền mặt tại quỹ của doanh nghiệp dùng để chi hàng ngày không được vượt quá mức tồn quỹ mà doanh nghiệp và ngân hàng đã thỏa thuận ghi trong hợp đồng tiền mặt, khi có tiền thu bán hàng bằng tiền mặt thì doanh nghiệp phải nộp vào ngân hàng.

Xuất phát từ những đặc điểm quản lý vốn bằng tiền, hạch toán vốn bằng tiền phải thực hiện các nhiệm vụ sau:

- Hàng ngày, phản ánh tình hình thu chi và tồn quỹ tiền mặt, giám đốc tình hình chấp hành định mức tồn quỹ tiền mặt. Thường xuyên đối chiếu tiền mặt tồn quỹ thực tế với sổ sách. Phát hiện và xử lý kịp thời các sai sót trong quản lý và sử dụng tiền mặt.

- Phản ánh tình hình tăng, giảm và số dư tiền gửi ngân hàng hàng ngày, giám đốc việc chấp hành chế độ thanh toán không dùng tiền mặt.

- Phản ánh các khoản tiền đang chuyển, kịp thời phát hiện nguyên nhân làm cho tiền đang chuyển bị ách tắc để doanh nghiệp có biện pháp thích hợp, giải phóng nhanh tiền đang chuyển kịp thời.

1.1.2 Những yêu cầu cơ bản để quản lý nội bộ vốn bằng tiền:

Để quản lý tốt vốn bằng tiền trong nội bộ doanh nghiệp thì trước hết cần tách biệt việc bảo quản vốn bằng tiền khỏi việc ghi chép các nghiệp vụ này. Ngoài ra, doanh nghiệp còn phải phân công một số nhân viên làm nhiệm vụ ghi sổ để kiểm tra công việc của người này thông qua công việc của người kia. Việc phân chia trách nhiệm như trên là nhằm hạn chế bớt tình trạng gian lận cũng như sự móc ngoặc giữa các nhân viên trong việc tham ô tiền mặt. Các bước chính để thực hiện việc quản lý nội bộ đối với vốn bằng tiền gồm:

- + Tách biệt nhiệm vụ giữ tiền mặt với việc giữ các sổ sách kế toán - những nhân viên giữ tiền mặt không được tiếp cận với sổ sách kế toán và các nhân viên kế toán không được giữ tiền mặt.

- + Lập bản danh sách ghi hóa đơn thu tiền mặt tại thời điểm và nơi nhận tiền mặt.

- + Thực hiện thanh toán bằng séc, chỉ lên dùng tiền mặt chi tiêu cho các khoản lặt vặt, không được chi trả tiền mặt thay cho việc chi trả séc.

- + Trước khi phát hành một tờ séc để thanh toán, phải kiểm tra số lượng và giá trị các khoản chi tránh việc phát hành séc quá số dư.

- + Tách chức năng duyệt chi khỏi chức năng ký séc.

1.1.3 Nguyên tắc hạch toán vốn bằng tiền:

Kế toán vốn bằng tiền phải tuân thủ những nguyên tắc sau đây:

- Kế toán vốn bằng tiền phải sử dụng một đơn vị tiền tệ thống nhất là Đồng Việt Nam, trừ trường hợp được phép sử dụng một đơn vị tiền tệ thông dụng khác ghi chép Báo cáo kế toán nhưng phải được chấp nhận bằng văn bản của Bộ tài chính.

- Đối với vàng bạc kim khí quý, đá quý phản ánh ở nhóm tài khoản vốn bằng tiền chỉ áp dụng cho các doanh nghiệp không đăng ký kinh doanh vàng, bạc, kim khí quý, đá quý.

- Vàng, bạc, kim khí quý, đá quý phải theo dõi số lượng, trọng lượng, quy cách, phẩm chất, và giá trị của từng thứ, từng loại. Giá trị vàng, bạc, kim khí quý, đá quý được tính theo giá trị thực tế (Giá hóa đơn hoặc giá được thanh toán). Khi tính giá xuất vàng, bạc, kim khí quý, đá quý, có thể áp dụng một trong bốn phương pháp xuất kho: Bình quân gia quyền, nhập trước - xuất trước, nhập sau -

xuất trước, giá thực tế đích danh. Tuy nhiên, do vàng bạc, đá quý, là loại tài sản có giá trị lớn và mang tính tách biệt nên phương pháp thực tế đích danh thường được sử dụng. Nếu có chênh lệch giữa giá xuất bán và giá thanh toán ở thời điểm phát sinh nghiệp vụ thì được phản ánh vào TK 515, hoặc TK 635.

- Trường hợp kế toán vốn bằng tiền liên quan đến ngoại tệ: : theo chuẩn mực kế toán 10 – “Ảnh hưởng của việc thay đổi Tỷ giá hối đoái” được ban hành theo Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 của Bộ trưởng Bộ Tài chính:

+ Một giao dịch bằng ngoại tệ là giao dịch được xác định bằng ngoại tệ hoặc yêu cầu thanh toán bằng ngoại tệ, bao gồm các giao dịch phát sinh khi một doanh nghiệp:

- ❖ Mua hoặc bán sản phẩm, hàng hóa dịch vụ mà giá cả được xác định bằng ngoại tệ;
- ❖ Vay hoặc cho vay các khoản tiền mà số phải trả hoặc phải thu được xác định bằng ngoại tệ;
- ❖ Trở thành một đối tác (một bên) của một hợp đồng ngoại hối chưa được thực hiện;
- ❖ Dùng một loại tiền tệ này để mua, bán hoặc thay đổi lấy một loại tiền tệ khác;

+ Một giao dịch bằng ngoại tệ phải được hạch toán và ghi nhận ban đầu theo đơn vị tiền tệ kế toán bằng việc áp dụng tỉ giá hối đoái giữa đơn vị tiền tệ kế toán và ngoại tệ tại ngày giao dịch.

+ Tỷ giá hối đoái tại ngày giao dịch được coi là tỉ giá giao ngay. Doanh nghiệp có thể sử dụng tỷ giá xấp xỉ với tỉ giá hối đoái thực tế tại ngày giao dịch.

Ở thời điểm kết thúc năm tài chính doanh nghiệp phải đánh giá các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ theo tỷ giá hối đoái giao dịch bình quân trên thị trường ngoại tệ liên ngân hàng do ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố tại thời điểm cuối năm tài chính.

Nguyên tắc ghi nhận các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ và đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày lập Bảng CĐKT ở thời điểm cuối năm tài chính được thể hiện:

+ Doanh nghiệp đồng thời phải theo dõi nguyên tệ trên sổ kế toán chi tiết các Tài khoản: Tiền mặt, tiền gửi, tiền đang chuyển, các khoản phải thu, các khoản phải trả, và tài khoản 007 “Ngoại tệ các loại” (Tài khoản ngoài Bảng CĐKT).

+ Đối với tài khoản thuộc loại doanh thu, hàng tồn kho, TSCĐ, chi phí sản xuất kinh doanh, chi phí khác, bên Nợ các Tài khoản vốn bằng tiền...khi phát sinh các nghiệp vụ kinh tế bằng ngoại tệ phải được ghi sổ kế toán bằng Đồng Việt Nam, hoặc bằng đơn vị tiền tệ chính thức sử dụng trong kế toán theo tỷ giá giao dịch thực tế hoặc tỷ giá giao dịch bình quân trên thị trường ngoại tệ liên ngân hàng tại thời điểm nghiệp vụ kinh tế phát sinh.

+ Đối với các bên có các tài khoản vốn bằng tiền, khi phát sinh các nghiệp vụ kinh tế bằng ngoại tệ phải được ghi sổ kế toán bằng Đồng Việt Nam, hoặc bằng đơn vị tiền tệ chính thức sử dụng trong kế toán theo tỷ giá ghi trên sổ kế toán (Tỷ giá bình quân gia quyền, tỷ giá nhập trước - xuất trước, tỷ giá nhập sau - xuất trước, giá thực tế đích danh).

+ Đối với bên có của các tài khoản nợ phải trả hoặc bên nợ có các tài khoản nợ phải thu, khi phát sinh các nghiệp vụ kinh tế bằng ngoại tệ phải được ghi sổ kế toán bằng Đồng Việt Nam hoặc bằng đơn vị tiền tệ chính thức sử dụng trong kế toán theo tỷ giá giao dịch; Cuối năm tài chính các số dư nợ phải trả hoặc dư nợ phải thu có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch bình quân trên thị trường ngoại tệ liên ngân hàng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố tại thời điểm cuối năm tài chính.

+ Đối với bên nợ các khoản nợ phải trả, hoặc bên có của các tài khoản nợ phải thu, khi phát sinh các nghiệp vụ kinh tế bằng ngoại tệ phải ghi trên sổ kế toán bằng Đồng Việt Nam hoặc bằng đơn vị tiền tệ chính thức sử dụng trong kế toán theo tỷ giá trên sổ kế toán.

+ Trường hợp mua, bán ngoại tệ bằng Đồng Việt Nam thì hạch toán theo tỷ giá thực tế mua, bán.

1.2. Tổ chức công tác kế toán tiền mặt tại quỹ

1.2.1. Nguyên tắc quản lý tiền mặt tại quỹ

Xuất phát từ những đặc điểm nêu trên, hạch toán tiền mặt tại quỹ phải thực hiện các nguyên tắc sau:

- Tôn trọng nguyên tắc bất kiêm nhiệm giữa 2 nhiệm vụ giữ tiền và lập chứng từ, ghi sổ kế toán tiền mặt.

- Chỉ dùng tiền mặt cho nghiệp vụ chi thường xuyên, tập trung quản lý tiền và thực hiện thanh toán không dùng tiền mặt qua hệ thống ngân hàng thương mại và kho bạc Nhà nước.

- Các khoản tiền, vàng, bạc, kim khí quý, đá quý cho doanh nghiệp khác và cá nhân ký cược, ký quỹ tại doanh nghiệp xây lắp thì việc quản lý và hạch toán như các loại tài sản bằng tiền của đơn vị. Riêng vàng, bạc, kim khí quý, đá quý trước khi nhập quỹ phải làm đầy đủ các thủ tục về cân, đo, đong, đếm số lượng và trọng lượng, giám định chất lượng, sau đó tiến hành niêm phong, có xác nhận của người ký cược, ký quỹ trên dấu niêm phong.

- Khi tiến hành nhập, xuất quỹ tiền mặt phải có phiếu thu, phiếu chi hoặc chứng từ nhập, xuất vàng, bạc, kim khí quý, đá quý và có đủ chữ ký của người nhận, người giao, người cho phép nhập, xuất quỹ theo quy định của chế độ chứng từ kế toán, Một số trường hợp phải có lệnh nhập quỹ, xuất quỹ đính kèm.

- Kế toán quỹ tiền mặt phải chịu trách nhiệm mở sổ kế toán quỹ tiền mặt, ghi chép hàng ngày, liên tục theo trình tự phát sinh các khoản thu, chi, xuất, nhập quỹ tiền mặt, ngân phiếu, ngoại tệ, vàng bạc, kim khí quý, đá quý và tính ra số tồn quỹ ở mọi thời điểm. Riêng vàng, bạc, kim khí quý, đá quý nhận ký cược, ký quỹ phải theo dõi riêng một sổ hay một phần sổ.

- Thủ quỹ chịu trách nhiệm quản lý và nhập, xuất tiền mặt, ngân phiếu, ngoại tệ, vàng, bạc, kim khí quý, đá quý tại quỹ tiền mặt. Hàng ngày thủ quỹ phải kiểm kê số tồn quỹ tiền mặt thực tế, đối chiếu với số liệu, sổ quỹ tiền mặt và sổ kế toán tiền mặt. Nếu có chênh lệch kế toán và thủ quỹ phải kiểm tra lại để xác định nguyên nhân và kiến nghị biện pháp xử lý chênh lệch.

1.2.2. Chứng từ sử dụng

Các chứng từ được sử dụng trong công tác hạch toán tiền mặt tại quỹ bao gồm:

- Phiếu thu, Phiếu chi
- Giấy đề nghị thanh toán
- Biên lai thu tiền
- Bảng kê khai vàng, bạc, kim khí quý, đá quý
- Bảng kiểm kê quỹ, bảng kê chi tiền
- Một số chứng từ có liên quan khác.

Trong đó:

- Phiếu thu: Được sử dụng làm căn cứ để hạch toán số tiền mặt Việt Nam, ngoại tệ đã thu trong kỳ theo từng nguồn thu.

- Phiếu chi: Được sử dụng làm căn cứ để hạch toán số tiền đã chi của đơn vị trong kỳ, là căn cứ xác định trách nhiệm vật chất của người nhận tiền.

- Giấy đề nghị tạm ứng: Là căn cứ để xét duyệt tạm ứng làm thủ tục lập phiếu chi xuất quỹ cho tạm ứng.

- Giấy thanh toán tạm ứng: Là chứng từ liệt kê các khoản tiền đã nhận tạm ứng, làm căn cứ thanh toán số tiền tạm ứng và ghi sổ kế toán.

- Giấy đề nghị thanh toán: Dùng trong trường hợp đã chi nhưng chưa được thanh toán hoặc chưa nhận thanh toán hoặc chưa nhận tạm ứng để tổng Hợp các khoản đã chi kèm theo chứng từ (Nếu có). Làm thủ tục thanh toán.

- Biên bản kiểm kê (Dùng cho tiền Việt Nam): là bằng chứng xác nhận số tiền mặt Việt Nam tồn quỹ thực tế và số chênh lệch thừa, thiếu so với sổ quỹ làm cơ sở xác định trách nhiệm vật chất và bồi thường cũng như là căn cứ để điều chỉnh số tiền tồn quỹ trên sổ kế toán theo số tiền tồn quỹ thực tế.

- Biên lai thu tiền: Là giấy biên nhận của đơn vị hoặc cá nhân đã thu tiền hoặc thu séc của người nộp tiền làm căn cứ để lập phiếu thu, nộp tiền vào quỹ, đồng thời để người nộp tiền thanh toán với đơn vị nộp tiền hoặc lưu quỹ.

Bảng kê chi tiền: Là căn cứ để quyết toán kinh phí cho đại biểu tham dự hội thảo tập huấn. Áp dụng cho các cuộc hội thảo, tập huấn diễn ra nhiều ngày, tiền chỉ thanh toán một lần vào ngày cuối hội thảo.

1.2.3. Tài khoản sử dụng:

Tài khoản 111 – “Tiền mặt”

Tài khoản này dùng để phản ánh số hiện có và tình hình thu, chi tiền mặt tại quỹ.

* Kết cấu và nội dung phản ánh của TK 111:

- Bên nợ:

+ Các khoản tiền mặt, ngoại tệ, vàng, bạc, kim khí quý, đá quý nhập quỹ.

+ Số tiền mặt, ngoại tệ, vàng, bạc, kim khí quý, đá quý thừa ở quỹ phát hiện khi kiểm kê.

+ Chênh lệch tăng tỷ giá hối đoái do đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối kỳ (đối với tiền mặt ngoại tệ)

- Bên có:

+ Các khoản tiền mặt, ngoại tệ, vàng, bạc, kim khí quý, đá quý xuất quỹ.

+ Số tiền mặt, ngoại tệ, vàng, bạc, kim khí quý, đá quý thiếu hụt ở quỹ phát hiện khi kiểm kê.

+ Chênh lệch giảm tỷ giá hối đoái do đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối kỳ (đối với tiền mặt ngoại tệ).

- Số dư bên nợ: các khoản tiền mặt, ngoại tệ, vàng, bạc, kim khí quý, đá quý còn tồn quỹ tiền mặt.

* TK 111 – tiền mặt, có 3 tài khoản cấp 3:

- TK 1111 – tiền Việt Nam: phản ánh tình hình thu chi, tồn quỹ tiền Việt Nam tại quỹ tiền mặt.

- TK 1112 – ngoại tệ: phản ánh tình hình thu chi, tăng giảm tỷ giá và tồn quỹ ngoại tệ tại quỹ tiền mặt theo giá trị quy đổi ra đồng Việt Nam.

- TK 1113 – vàng, bạc, kim khí quý, đá quý: phản ánh giá trị vàng, bạc, kim khí quý, đá quý nhập, xuất, tồn quỹ.

* Đối với ngoại tệ, ngoài việc quy đổi ra đồng Việt Nam, kế toán còn phải theo dõi ngoại tệ trên tài khoản 007 – “Ngoại tệ các loại”

* Kết cấu TK 007 – Ngoại tệ các loại như sau:

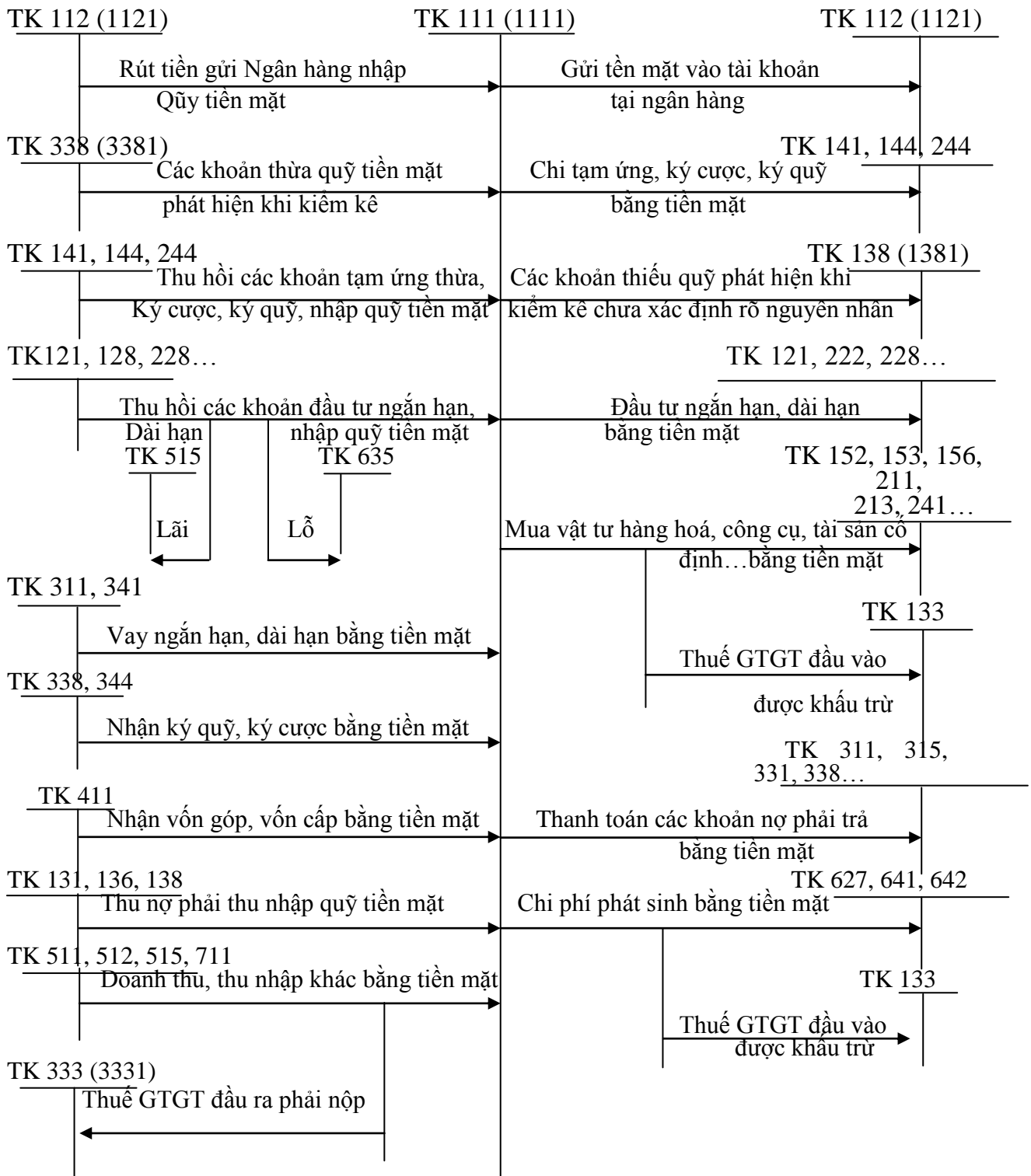
- Bên nợ: Số ngoại tệ thu vào (nguyên tệ).

- Bên có: Số ngoại tệ xuất ra (nguyên tệ).
- Số dư bên nợ: Số ngoại tệ còn lại tại doanh nghiệp (nguyên tệ).

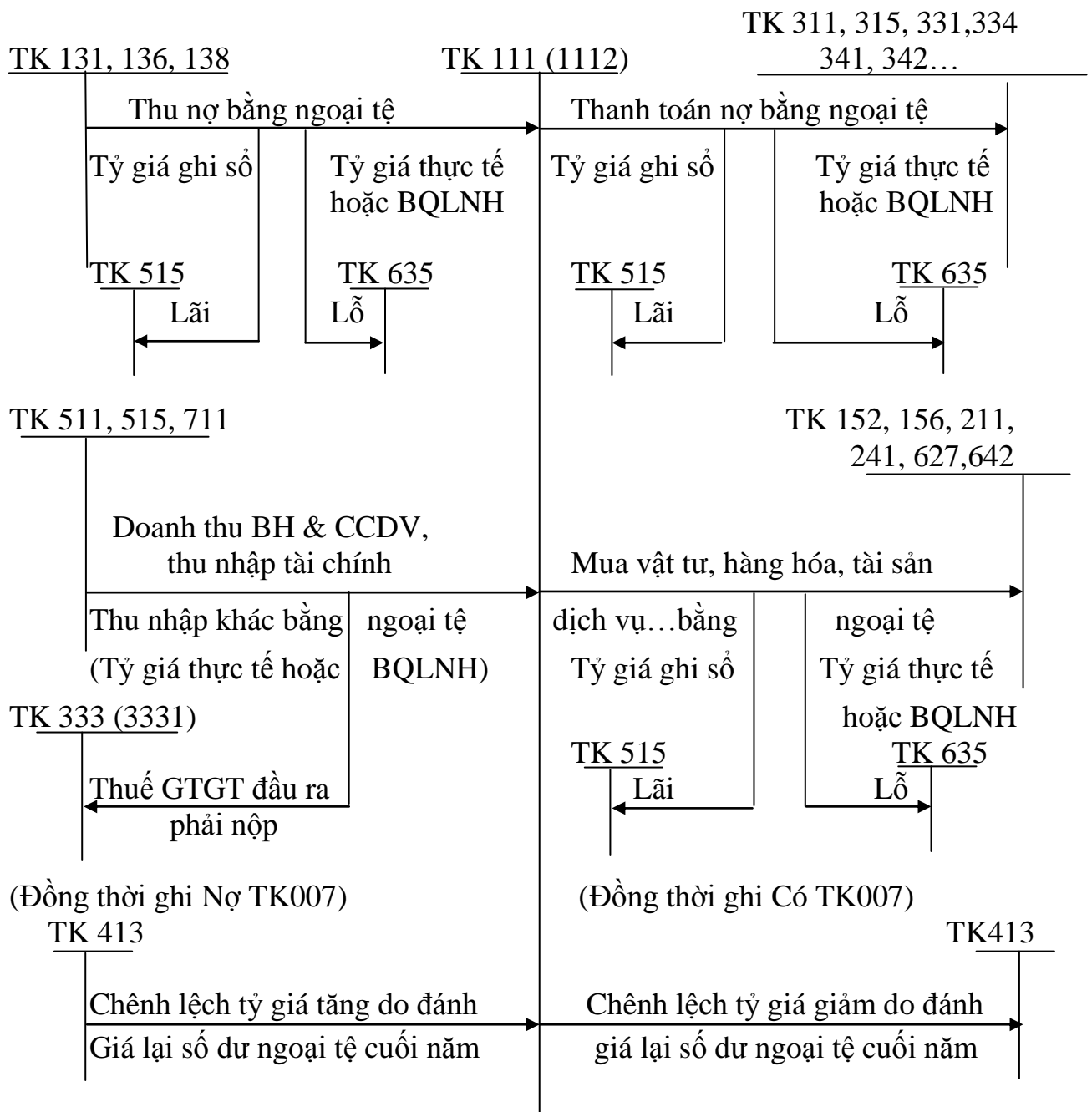
1.2.4: Phương pháp hạch toán

Phương pháp hạch toán tiền mặt tại quỹ bằng đồng Việt Nam; ngoại tệ; vàng, bạc, kim khí quý, đá quý được phản ánh qua sơ đồ 1.1, 1.2, 1.3 như sau:

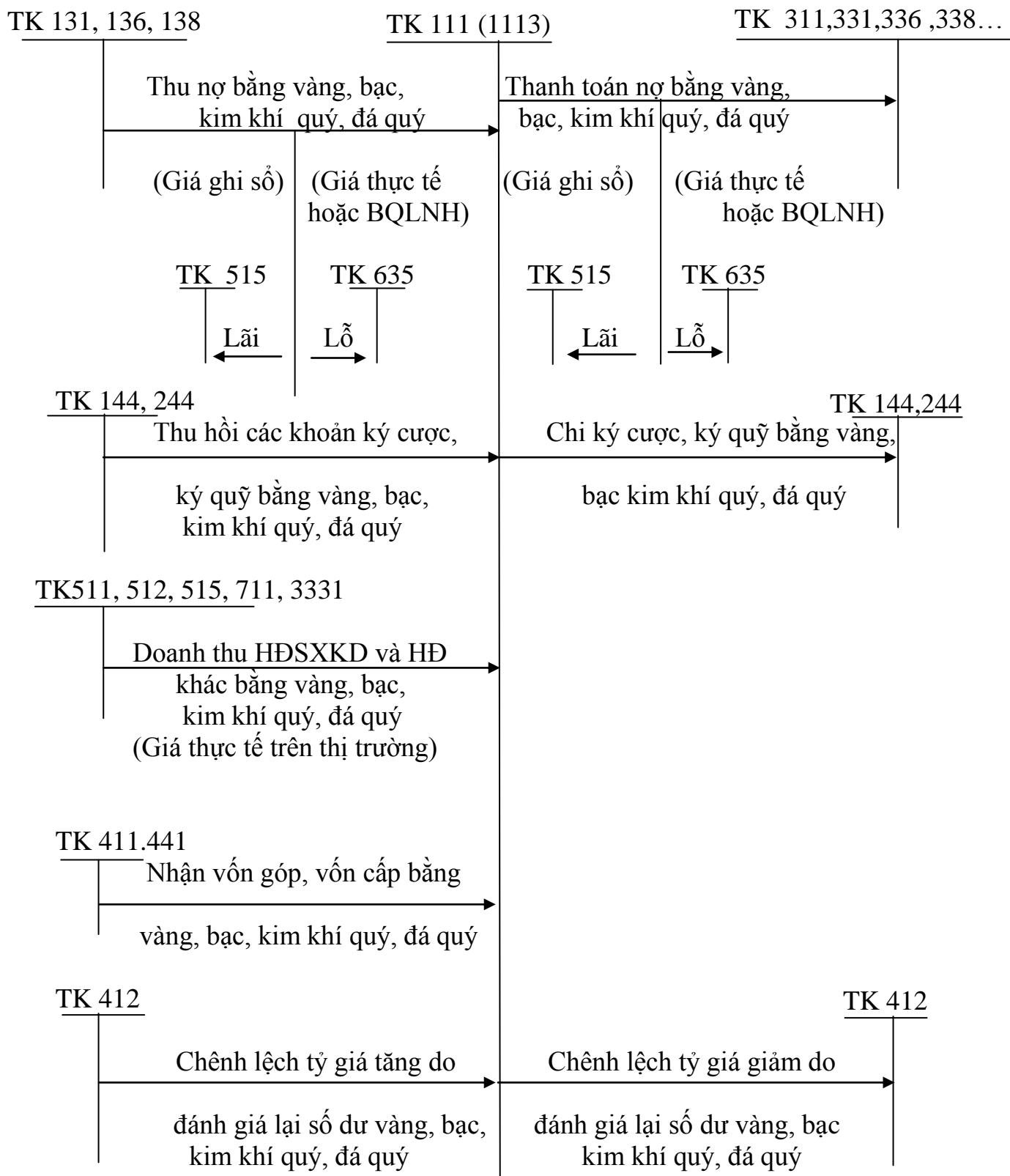
Sơ đồ 1.1: Phương pháp kế toán tiền mặt tại quỹ (VNĐ)



Sơ đồ 1.2: Phương pháp kế toán tiền mặt tại quỹ - Ngoại tệ



Sơ đồ 1.3: Kế toán vàng bạc, kim khí quý, đá quý



1.3. Tổ chức kế toán tiền gửi Ngân hàng:

Trong quá trình sản xuất kinh doanh, các doanh nghiệp có thể và cần thiết phải gửi tiền vào ngân hàng, kho bạc Nhà nước hoặc công ty tài chính để thực hiện các nghiệp vụ thanh toán không dùng tiền mặt theo quy định hiện hành của pháp luật.

1.3.1. Một số quy định trong việc hạch toán tiền gửi Ngân hàng:

- Khi nhận được chứng từ của Ngân hàng gửi đến, kế toán phải kiểm tra, đối chiếu với chứng từ gốc kèm theo. Nếu có sự chênh lệch giữa số liệu trên sổ kế toán của đơn vị số liệu ở chứng từ gốc với số liệu trên chứng từ của Ngân hàng thì đơn vị phải thông báo cho Ngân hàng để cùng đối chiếu, xác minh và xử lý kịp thời.

Cuối tháng chưa xác định được nguyên nhân chênh lệch thì kế toán ghi sổ theo số liệu của ngân hàng trên giấy báo Nợ, báo Có hoặc bản sao kê. Số chênh lệch (nếu có) ghi vào bên Nợ TK138 “Phải thu khác” (1388) (Nếu số liệu của kế toán lớn hơn số liệu của ngân hàng) hoặc ghi vào bên Có TK 138 “Phải trả, phải nộp khác” (3388) (Nếu số liệu của kế toán nhỏ hơn số liệu của ngân hàng).

Sang tháng sau, tiếp tục kiểm tra, đối chiếu, xác định nguyên nhân để điều chỉnh số liệu ghi sổ.

- Ở những đơn vị có các tổ chức, bộ phận phụ thuộc không tổ chức kế toán riêng, có thể mở tài khoản chuyên thu, chuyên chi hoặc mở tài khoản thanh toán phù hợp để thuận tiện cho việc giao dịch, thanh toán. Kế toán phải mở sổ chi tiết theo từng loại tiền gửi (Đồng Việt Nam, ngoại tệ các loại).

- Phải tổ chức hạch toán chi tiết số tiền gửi theo từng tài khoản ở ngân hàng để tiện cho việc kiểm tra, đối chiếu.

- Tiền gửi ngân hàng của doanh nghiệp nếu dùng để ký quỹ, mở L/C nhập khẩu...nghĩa là doanh nghiệp không được phép chi khoản tiền gửi đó cho mục đích khác, thì kế toán phải chuyển tiền quỹ sang khoản “thế chấp, ký cược, ký quỹ ngắn hạn” TK144 hoặc “ký quỹ, ký cược dài hạn” TK244 (Nếu ký quỹ trên 01 năm).

1.3.2. Chứng từ sử dụng:

Các chứng từ được sử dụng để hạch toán tiền gửi ngân hàng bao gồm:

- Giấy báo Nợ

- Giấy báo Có
- Bản sao kê của ngân hàng

Kèm theo các chứng từ khác (Ủy nhiệm chi, uỷ nhiệm thu, séc chuyển khoản, séc bảo chi...).

1.3.3. Tài khoản sử dụng:

Đề hạch toán tiền gửi ngân hàng, kế toán sử dụng TK112- “Tiền gửi ngân hàng”. Tài khoản này dùng để phản ánh số hiện có và tình hình biến động tăng, giảm các khoản tiền gửi của doanh nghiệp tại ngân hàng, kho bạc Nhà nước hoặc công ty tài chính.

TK112- Tiền gửi ngân hàng có 3 tài khoản cấp 2:

- TK1121- Tiền Việt Nam: Phản ánh số tiền gửi vào, rút ra và hiện đang gửi tại ngân hàng bằng Đồng Việt Nam
- TK 1122-Ngoại tệ: Phản ánh số tiền gửi vào, rút ra và hiện đang gửi tại ngân hàng bằng ngoại tệ các loại đã quy đổi ra Đồng Việt Nam.
- TK 1123-Vàng, bạc, kim khí quý, đá quý: phản ánh giá trị vàng, bạc, kim khí quý, đá quý gửi vào, rút ra và hiện đang gửi tại ngân hàng.

Kết cấu và nội dung phản ánh của tài khoản 112 -Tiền gửi ngân hàng

Bên Nợ:

- Các khoản tiền Việt Nam, ngoại tệ, vàng bạc, kim khí quý, đá quý gửi vào ngân hàng.
- Chênh lệch tăng tỷ giá hối đoái do đánh giá lại số dư tiền gửi ngoại tệ cuối kỳ.

Bên Có:

- Các khoản tiền Việt Nam, ngoại tệ, vàng bạc, kim khí quý, đá quý rút ra từ ngân hàng.
- Chênh lệch giảm tỷ giá hối đoái do đánh giá lại số dư tiền gửi ngoại tệ cuối kỳ.

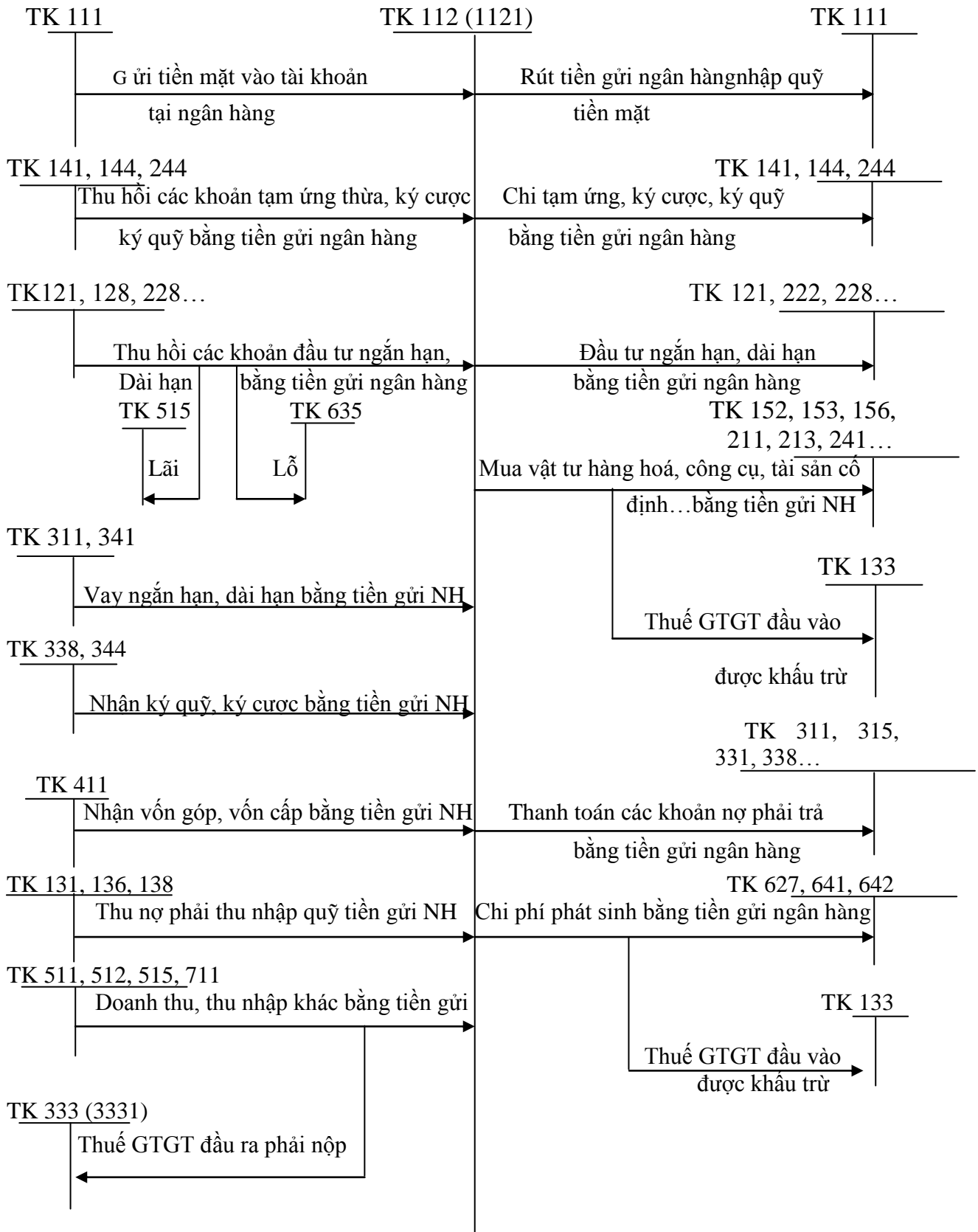
Số dư bên Nợ:

Số tiền Việt Nam, ngoại tệ, vàng bạc, kim khí quý, đá quý hiện còn gửi tại ngân hàng.

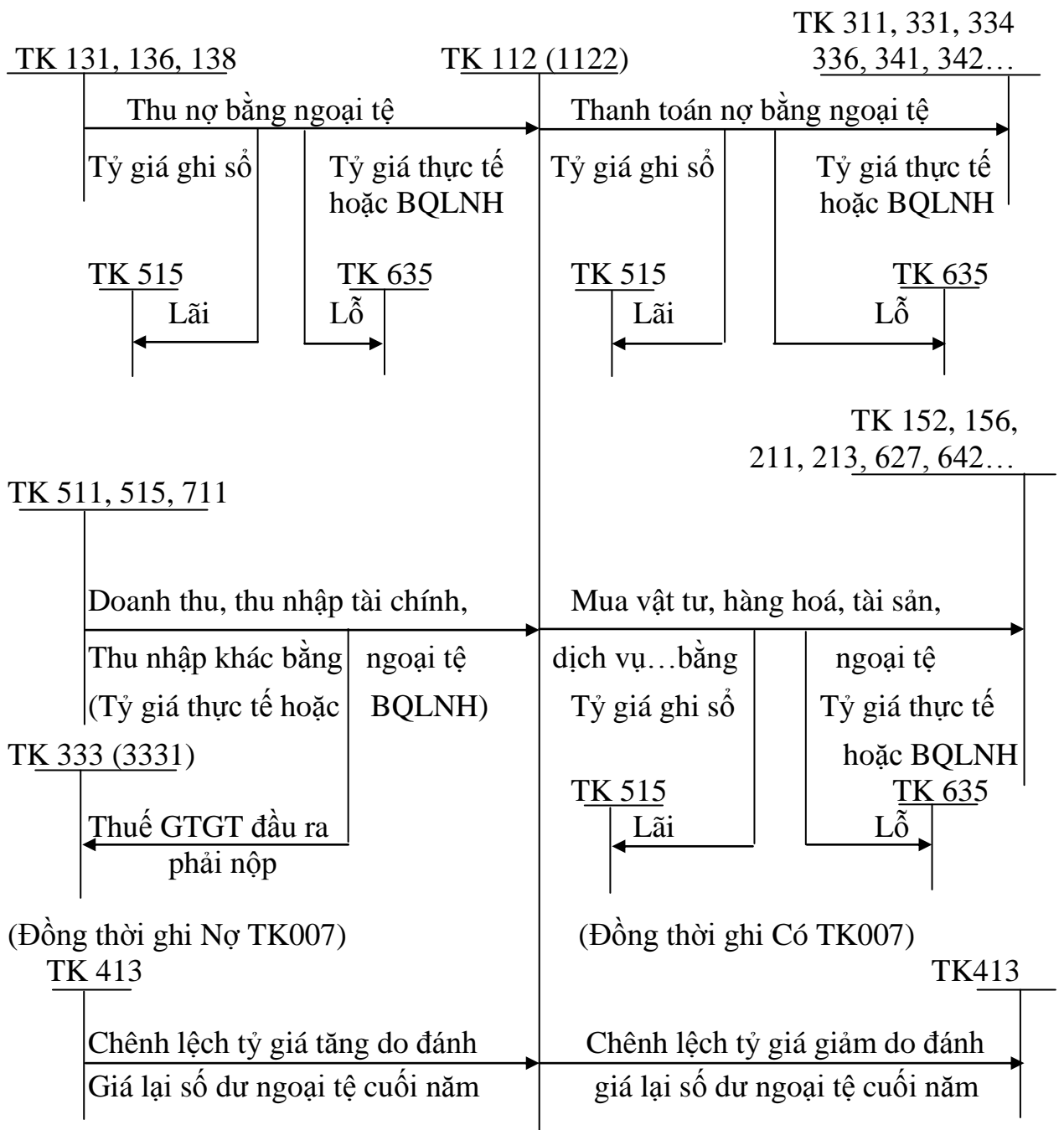
1.3.4. Phương pháp hạch toán một số nghiệp vụ kinh tế chủ yếu:

Phương pháp hạch toán một số nghiệp vụ kinh tế chủ yếu liên quan đến tiền gửi ngân hàng được phản ánh qua sơ đồ 1.4 , sơ đồ 1.5 và sơ đồ 1.6.

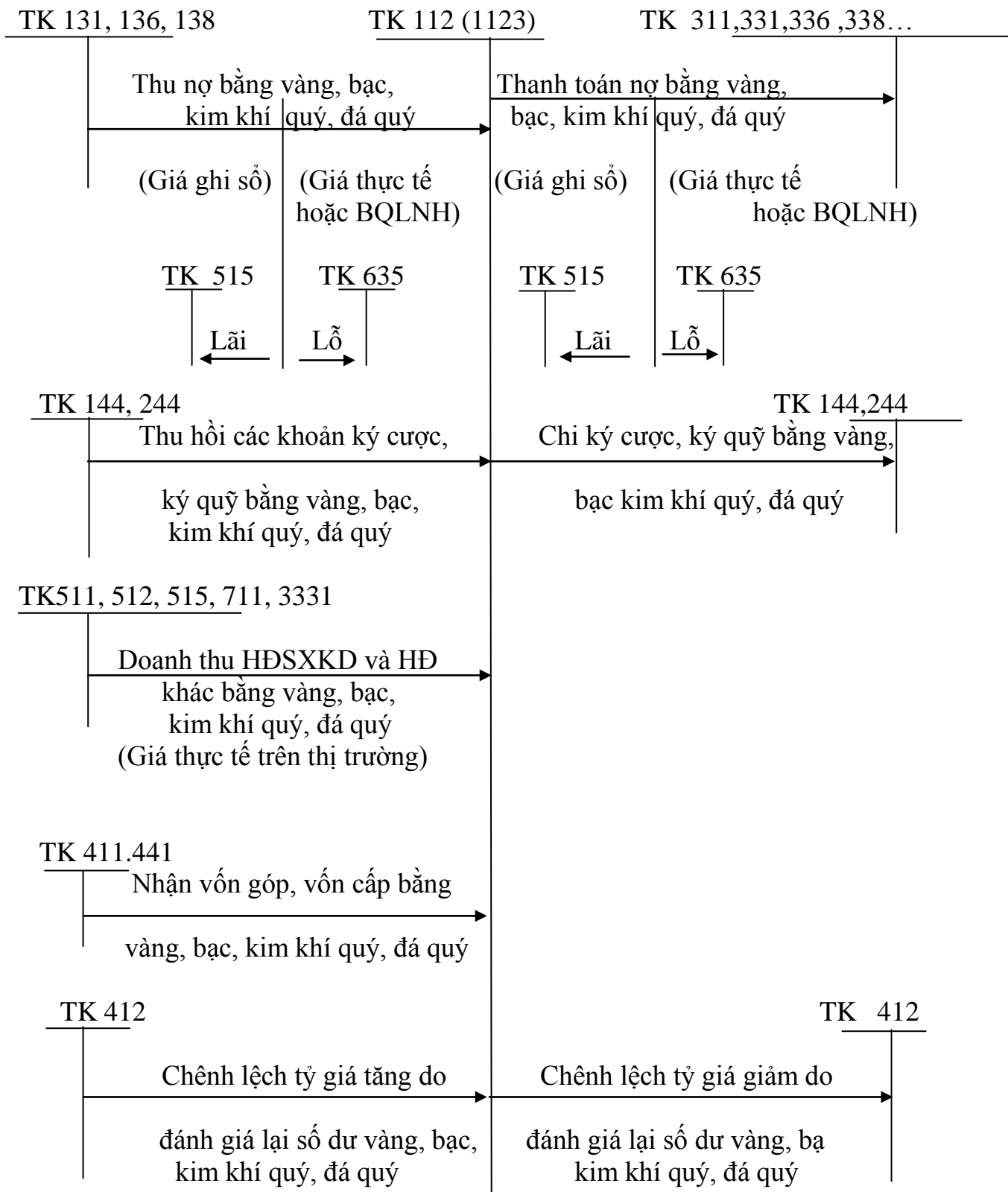
Sơ đồ 1.4: Phương pháp kế toán tiền gửi ngân hàng (VND)



1.5 : Phương pháp kế toán tiền gửi ngân hàng - ngoại tệ



Sơ đồ 1.6: Kế toán vàng bạc, kim khí quý, đá quý



1.4. Tổ chức kế toán tiền đang chuyển:

1.4.1. Nội dung chủ yếu của kế toán tiền đang chuyển:

Tiền đang chuyển là các khoản tiền của doanh nghiệp như tiền mặt, séc, tiền giao tay ba... đã nộp vào ngân hàng, kho bạc Nhà nước; đã gửi bưu điện, các tổ chức tài chính trung gian có thực hiện dịch vụ chuyển tiền để chuyển cho ngân hàng nhưng chưa nhận được giấy báo Có của ngân hàng, trả cho đơn vị khác hay đã làm thủ tục chuyển tiền từ tài khoản tại ngân hàng để trả cho đơn vị khác nhưng chưa nhận được giấy báo Nợ hay bản sao kê của ngân hàng.

Tiền đang chuyển gồm tiền Việt Nam và ngoại tệ đang chuyển trong các trường hợp sau đây:

- Thu tiền mặt hoặc séc nộp thẳng vào ngân hàng.
- Chuyển tiền qua bưu điện để trả cho đơn vị khác.
- Thu tiền bán hàng không nhập quỹ, nộp thuế ngay cho kho bạc Nhà nước (Giao tiền tay ba giữa doanh nghiệp với người mua hàng và kho bạc Nhà nước).

Tiền đang chuyển là tài sản bằng tiền, thuộc quyền sở hữu của doanh nghiệp, đang nằm trong quá trình trung gian khi những nghiệp vụ kinh tế chính chưa hoàn thành. Đây là một trong những nội dung cần quản lý chặt chẽ để nhằm thực hiện tốt những trách nhiệm khác, không để sai sót khi những nghiệp vụ kinh tế cuối cùng chưa hoàn thành.

1.4.2. Chứng từ sử dụng:

Chứng từ sử dụng để hạch toán kế toán tiền đang chuyển là:

- Giấy nộp tiền
- Biên lai thu tiền
- Phiếu chuyển tiền
- Một số chứng từ có liên quan khác.

1.4.3. Tài khoản sử dụng:

Kế toán tổng hợp sử dụng TK113 - Tiền đang chuyển để phản ánh số tiền đang chuyển của doanh nghiệp

TK113 - Tiền đang chuyển có 2 tài khoản cấp 2

- TK 1131 - Tiền Việt Nam: phản ánh số tiền Việt Nam đang chuyển.

- TK 1132 - ngoại tệ: phản ánh số tiền ngoại tệ đang chuyển
Kết cấu và nội dung phản ánh của tài khoản 113-Tiền đang chuyển

Bên nợ:

- Các khoản tiền mặt hoặc séc bằng tiền Việt Nam, ngoại tệ đã nộp vào ngân hàng hoặc đã gửi bưu điện để chuyển vào ngân hàng nhưng chưa nhận được giấy báo Có.

- Chênh lệch tăng tỷ giá hối đoái do đánh giá lại số dư ngoại tệ tiền đang chuyển cuối kỳ.

Bên Có:

- Số kết chuyển vào tài khoản 112 - tiền gửi ngân hàng hoặc tài khoản có liên quan.

- Chênh lệch giảm tỷ giá hối đoái do đánh giá lại số dư ngoại tệ tiền đang chuyển cuối kỳ.

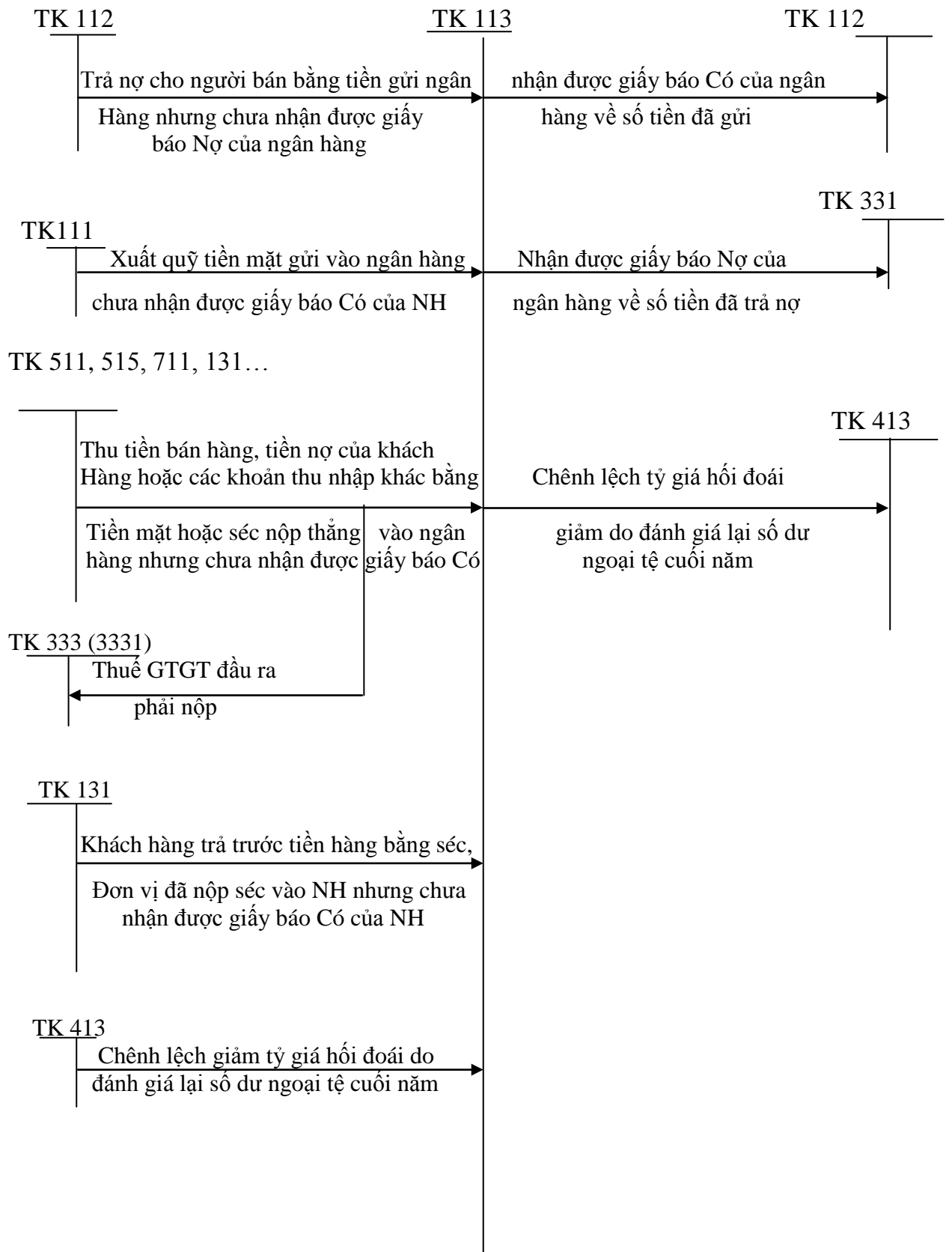
Số dư bên Nợ: Các khoản tiền còn đang chuyển cuối kỳ

Ngoài ra kế toán còn sử dụng các tài khoản liên quan khác: TK111, 112, 131, 511, 515, 413...

1.4.4. Phương pháp hạch toán một số nghiệp vụ kinh tế chủ yếu:

Phương pháp hạch toán một số nghiệp vụ kinh tế chủ yếu liên quan đến tiền đang chuyển được phản ánh qua sơ đồ 1.7.

Sơ đồ 1.7: Phương pháp kế toán tiền đang chuyển



CHƯƠNG II

THỰC TRẠNG TỔ CHỨC CÔNG TÁC KẾ TOÁN VỐN BẰNG TIỀN TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG ĐOẠN XÁ

2.1 Khái quát chung về Công ty cổ phần Cảng Đoạn Xá

2.1.1 Lịch sử hình thành và phát triển của Công ty cổ phần Cảng Đoạn Xá

Tên Công ty: Công ty cổ phần Cảng Đoạn Xá

Tên giao dịch quốc tế: DOAN XA PORT JOIT STOCK COMPANY

Trụ sở chính: số 15, đường Ngô Quyền, phường Vạn Mỹ, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng.

Điện thoại: (84).31.3765029/3767949

Fax: (84).31.3765727

Quyết định thành lập: số 1372/QĐ-TTg, ngày 19/10/2001 của Thủ tướng Chính phủ.

Giấy phép ĐKKD: số 0203000123 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hải Phòng cấp ngày 27/11/2001.

Đơn vị chủ quản: Cục Hàng Hải Việt Nam.

Công ty Cổ phần Cảng Đoạn Xá tiền thân là xí nghiệp xếp dỡ Đoạn Xá, là đơn vị trực thuộc Cảng Hải Phòng, được thành lập theo quyết định số 334/TCCB-LĐ ngày 28/06/1995 của cục Hàng hải Việt Nam. Ngày 19/10/2001, Thủ tướng Chính phủ kí quyết định số 1372/QĐ-TTg, quyết định việc chuyển Xí nghiệp xếp dỡ Đoạn Xá thành Công ty cổ phần cảng Đoạn Xá.

Sau khi chuyển sang công ty cổ phần với vốn điều lệ 35.000.000.000 đồng (35 tỷ đồng), từ đầu năm 2002, công ty đã đầu tư vào các dự án: đầu tư cải tạo cầu tàu với vốn đầu tư 29 tỷ đồng, dự án xây dựng nhà điều hành với vốn đầu tư 1,8 tỷ đồng, đầu tư 02 cần trục chân đế 40 tấn, 02 xe nâng hàng 45 tấn, 01 xe nâng hàng đóng rút container 04 tấn, 02 xe vận tải, 01 giàn cầu tự động và các tài sản cố định khác. Các dự án này được đưa vào sử dụng và phát huy hiệu quả ngay từ năm 2002 đến nay.

Chủ sở hữu của công ty tăng từ 35 tỷ đồng (vốn điều lệ và cũng là vốn chủ sở hữu). Ngày 1/11/2001 (ngày bắt đầu hoạt động chính thức dưới công ty cổ phần) lên tới 84,625 tỷ đồng tính đến ngày 31/2/2007 đã thanh toán cổ tức năm 2006 cho các cổ đông là 15%.

Cảng Đoạn Xá nằm trong hệ thống cảng biển của ngành hàng hải Việt Nam. Là một trong những cảng biển có tốc độ phát triển và hiệu quả cao trong cụm cảng biển vùng Duyên Hải phía Bắc.

Tiền thân là xí nghiệp xếp dỡ Đoạn Xá đơn vị trực thuộc cảng Hải Phòng, được thành lập theo QĐ số 334/TCCB-LĐ ngày 28/06/1995 của cục hàng hải Việt Nam. Ngày 19/10/2001, Thủ tướng chính phủ kí quyết định số 1372/QĐ-TTg, quyết định việc chuyển xí nghiệp xếp dỡ Đoạn Xá thành công ty cổ phần cảng Đoạn Xá. Với hơn 5 năm hoạt động trong công ty cổ phần, hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu kinh tế-xã hội, cảng Đoạn Xá đã đóng góp 1 phần vào việc xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ Quốc.

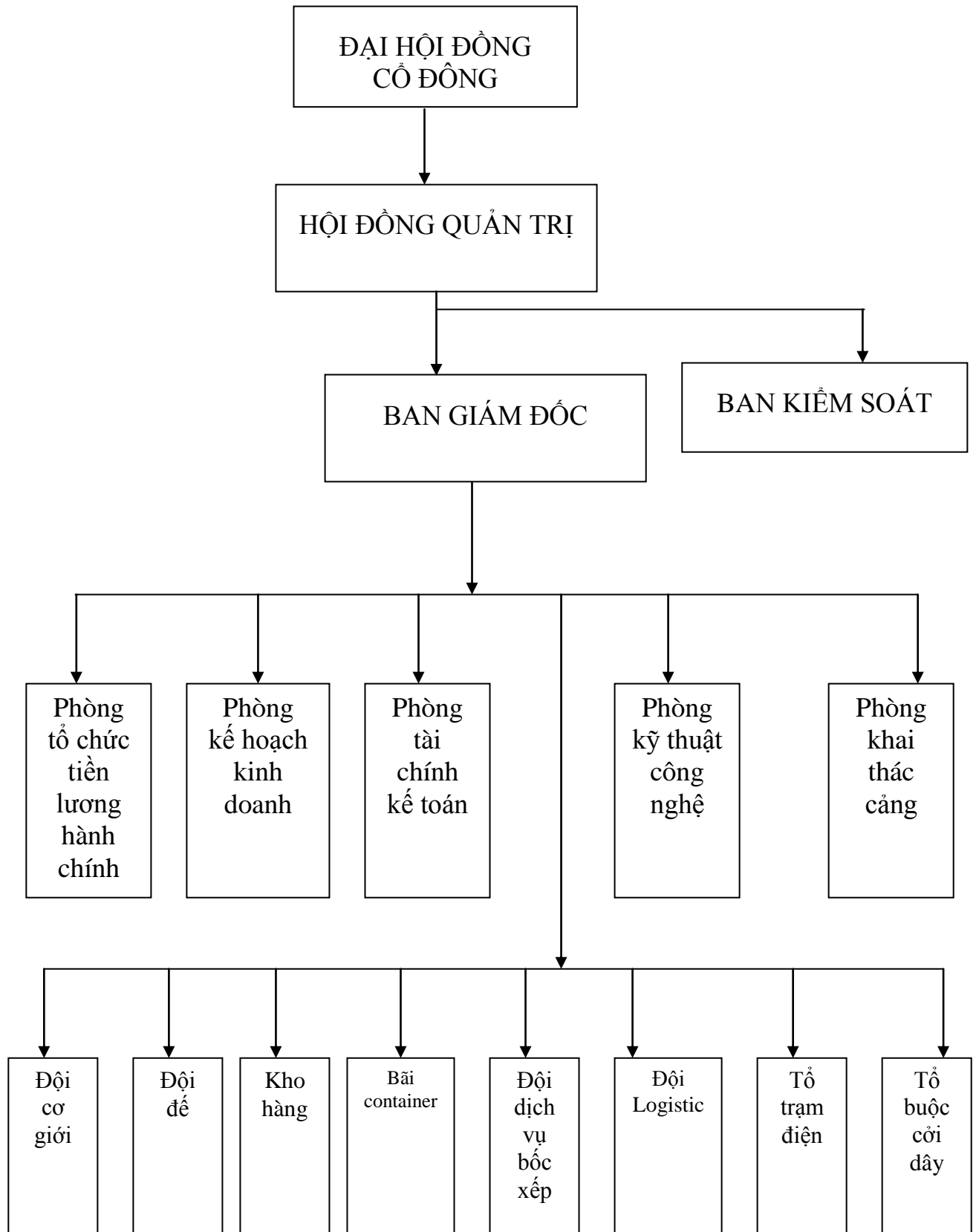
Hoạt động phục vụ cho lĩnh vực rộng lớn bao gồm các khu vực thành phố Hải Phòng, các vùng lân cận và vùng duyên hải phía Bắc với tổng sản lượng hàng hoá chiếm tỉ trọng lớn cũng như quy mô khai thác bốc xếp trong hệ thống cảng biển Hải Phòng. Cảng Đoạn Xá có vai trò và nhiệm vụ quan trọng phục vụ cho nhu cầu xuất nhập khẩu và phát triển kinh tế nói chung cho toàn khu vực duyên hải phía Bắc.

Theo chính sách của Nhà nước và các ngành, cảng Đoạn Xá đã nhận được sự hỗ trợ của các cơ quan và cộng đồng tạo điều kiện thuận lợi để cảng phát triển hơn nữa và duy trì vai trò hoạt động của mình trong khu vực phía Bắc.

Với phương châm: “Nhanh chóng - An toàn - Chính xác - Hiệu quả”

2.1.2 Đặc điểm tổ chức bộ máy quản lý của công ty

Sơ đồ 2.1: Cơ cấu tổ chức bộ máy quản lý của công ty



Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ): là cơ quan có thẩm quyền cao nhất quyết định mọi vấn đề theo Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty. Đại hội đồng cổ đông là cơ quan thông qua chính sách đầu tư ngắn và dài hạn trong việc phát triển công ty, quyết định cơ cấu vốn, bầu ra ban quản lý kinh doanh của công ty.

Hội đồng quản trị: Là cơ quan thay mặt ĐHCĐ quản lý công ty giữa 2 thời kỳ Đại hội, họp công ty để quyết định mọi vấn đề liên quan đến mục đích quyền lợi của công ty.

Ban kiểm soát: Do ĐHCĐ bầu, thay mặt cổ đông kiểm soát mọi hoạt động kinh doanh của công ty nhằm bảo vệ các lợi ích hợp pháp cho các cổ đông.

Ban điều hành: Ban giám đốc là bộ máy tổ chức điều hành và quản lý mọi hoạt động hành chính bao gồm giám đốc và các phó giám đốc. Trong đó, giám đốc là người chịu trách nhiệm trước hoạt động kinh doanh và hiệu quả hoạt động kinh doanh của công ty. Các phó giám đốc là người chịu trách nhiệm trong quản lý, chỉ đạo điều hành các hoạt động kinh doanh của công ty, chịu trách nhiệm về các hoạt động đối với các lĩnh vực được phân công, phân nhiệm.

Các phòng chức năng: Có nhiệm vụ giúp Ban điều hành quản lý các kỹ năng gián tiếp như: Phòng tổ chức – tiền lương – hành chính, Phòng kế hoạch kinh doanh, Phòng kỹ thuật công nghệ, Phòng khai thác cảng biển, Phòng bảo vệ và an ninh cảng biển.

*** Đặc điểm về hoạt động kinh doanh**

- *Hình thức sở hữu vốn:* Công ty cổ phần Cảng Đoạn Xá với vốn điều lệ là 52.500.000.000 đồng, trong đó, vốn Nhà nước (do Tổng công ty Hàng Hải Việt Nam nắm giữ) là 51%. Tổng số cổ phần Công ty đã phát hành là 5.250.000 cổ phần và đã được niêm yết cổ phiếu phổ thông tại sở GDCK Thành phố Hồ Chí Minh ngày 11/12/2006 là 3.500.000 cổ phiếu, số cổ phiếu phát hành thêm (phát hành cổ phiếu thưởng để tăng vốn điều lệ với tỷ lệ 2: 1 theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông ngày 20/11/2007) là 1.750.000 cổ phiếu phổ thông được chính thức giao dịch ngày 25/01/2008 tại Sở giao dịch chứng khoán t.p Hồ Chí Minh. Ngày 01/06/2010, cổ phiếu của CTCP Cảng Đoạn Xá hủy niêm yết tại Sở giao

dịch chứng khoán TP Hồ Chí Minh và chuyển sang niêm yết tại sở giao dịch chứng khoán Hà Nội vào ngày 08/06/2010.

- *Lĩnh vực kinh doanh:* Khai thác cảng

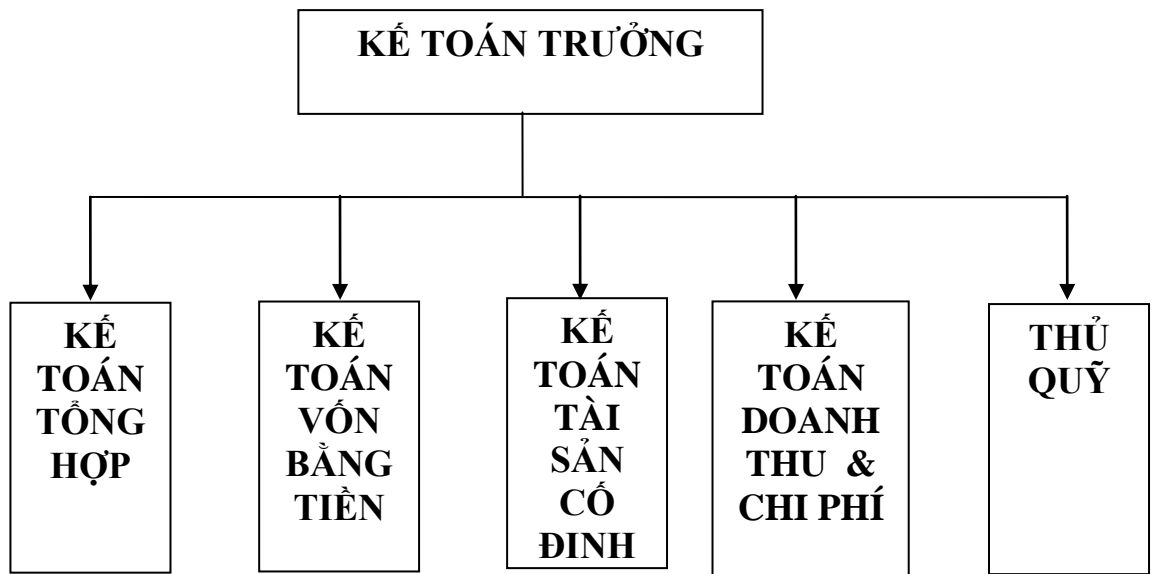
- *Ngành nghề kinh doanh:* Dịch vụ bốc xếp hàng hóa, kinh doanh kho bãi, vận tải và dịch vụ vận tải, đại lý vận tải, đại lý hàng hải.

2.1.3. Tổ chức công tác kế toán tại công ty

2.1.3.1. Tổ chức bộ máy kế toán tại công ty.

Phòng kế toán có chức năng tổ chức bộ máy kế toán, thống kê, ghi chép, tính toán, phản ánh tình hình tăng giảm tài sản, nguồn vốn, phân tích kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh, bảo quản lưu trữ các tài liệu kế toán thống kê, theo dõi công nợ, xuất nhập tồn hàng hóa. Bên cạnh đó, phòng phải tổ chức bảo quản, lưu trữ, thống kê, giữ bí mật các tài liệu kế toán, tổ chức hướng dẫn thi hành các chế độ tài chính kế toán của Nhà Nước.

Sơ đồ 2.2: Bộ máy kế toán của công ty



- Kế toán trưởng chịu trách nhiệm trước giám đốc Chi nhánh công ty về việc chỉ đạo tổ chức thực hiện công tác kế toán trong công ty. Kế toán trưởng có chức năng chỉ đạo chung mọi hoạt động bộ máy kế toán của công ty, bao gồm các mối quan hệ tài chính với cơ quan cấp trên. Cơ quan thuế, lập các bảng biểu về tình hình sản xuất kinh doanh của công ty. Đồng thời lập các báo cáo tài chính cho công ty hàng tháng hàng quý và năm.

- Kế toán tổng hợp: Chịu trách nhiệm trước kế toán trưởng về công tác kế toán được giao.
 - + Phản ánh tình hình thu , chi, ghi chép các nghiệp vụ kinh tế phát sinh làm biến động tiền tệ trong Công ty, theo dõi lương và các khoản trích theo lương của cán bộ công nhân viên trong Công ty.
 - Thủ quỹ: Chịu trách nhiệm về tiền lương phải trả cho cán bộ công nhân viên của công ty. Đồng thời theo dõi tiền gửi ngân hàng, tiền vay và các khoản phải thu khác.
 - Kế toán vốn bằng tiền: Đây là một bộ phận quan trọng của bộ máy kế toán. Kế toán vốn bằng tiền có nhiệm vụ phản ánh đầy đủ, chính xác tình hình hiện có và luân chuyển vốn bằng tiền. Theo dõi chặt chẽ việc chấp hành chế độ thu, chi và quản lý tiền mặt, tiền gửi ngân hàng.
 - Kế toán TSCĐ: Chịu trách nhiệm về mảng TSCĐ của công ty, tính khấu hao, phân bổ vào chi phí TSCĐ.

2.1.3.2. Tổ chức vận dụng hệ thống chứng từ tài khoản kế toán

Công ty vận dụng hệ thống chứng từ và tài khoản kế toán ban hành theo QĐ 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài Chính.

2.1.3.3. Tổ chức vận dụng hệ thống sổ kế toán

Công ty áp dụng hình thức kế toán Nhật ký chung.

Trình tự ghi sổ theo hình thức Nhật ký chung được phản ánh qua Sơ đồ 2.3.

- Hàng ngày căn cứ vào các chứng từ gốc, kế toán tiến hành kiểm tra tính hợp lý của, hợp lệ, hợp pháp và tính chính xác của các nghiệp vụ kinh tế phát sinh. Sau khi đã kiểm tra, kế toán ghi các nghiệp vụ đó vào Nhật ký chung. Căn cứ số liệu ghi trên Nhật ký chung, kế toán phản ánh các nghiệp vụ đó vào sổ cái các tài khoản có liên quan.
- Đồng thời với việc ghi sổ Nhật ký chung, các nghiệp vụ kinh tế phát sinh được ghi vào các sổ chi tiết tài khoản.
- Cuối tháng, tổng hợp số liệu từ sổ chi tiết làm căn cứ lập sổ tổng hợp chi tiết.

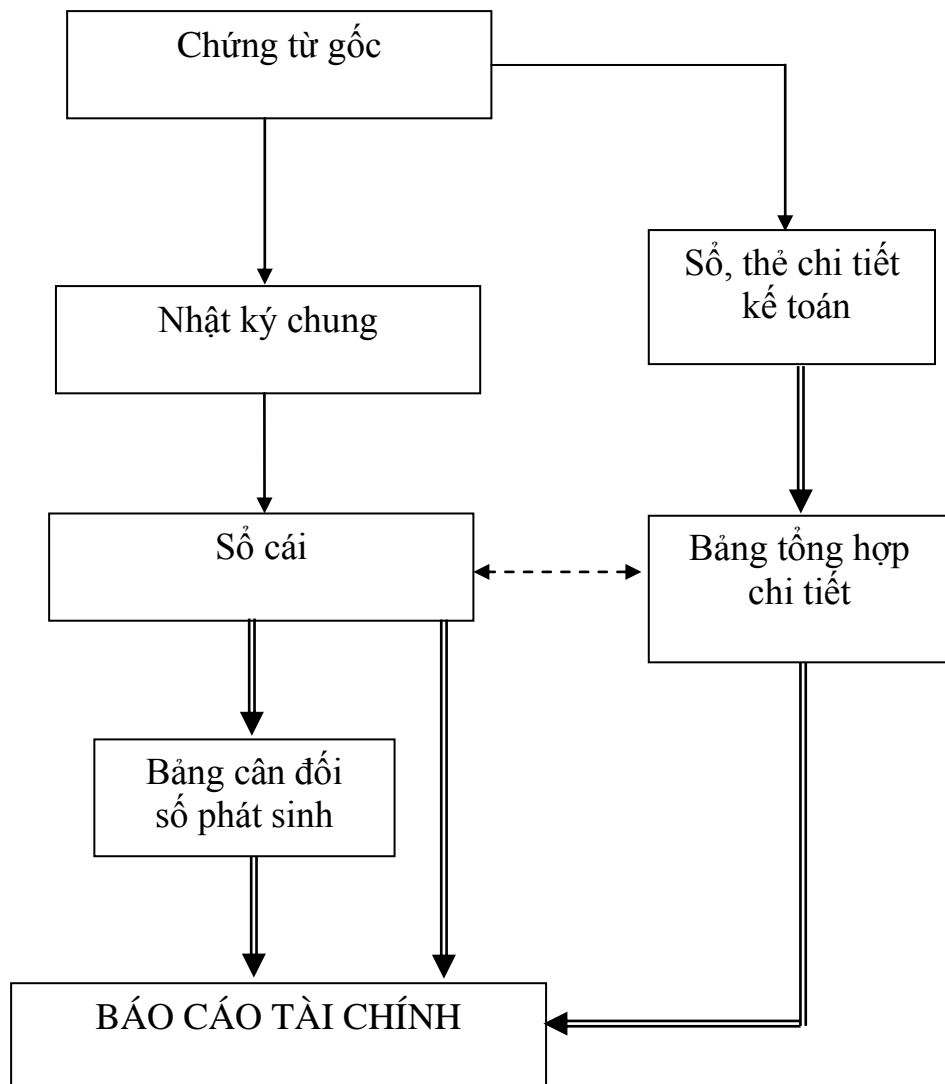
- Cùng với đó, tại thời điểm cuối tháng kế toán tiến hành cộng số liệu trên trên sổ cái, lập bảng cân đối tài khoản.

- Để đảm bảo tính chính xác số liệu, kế toán tiến hành đối chiếu, khớp số liệu ghi trên sổ cái và bảng tổng hợp chi tiết.

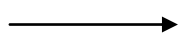
- Cuối kỳ kế toán, từ bảng cân đối tài khoản làm căn cứ để lập Báo cáo tài chính.

SƠ ĐỒ 2.3 TRÌNH TỰ GHI SỔ KẾ TOÁN THEO HÌNH THỨC

NHẬT KÝ CHUNG



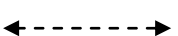
Ghi chú:



Ghi hàng ngày



Ghi cuối tháng



Đối chiếu, kiểm tra

2.1.3.4: Tổ chức hệ thống báo cáo kế toán:

Báo cáo tài chính gồm 04 loại theo chế độ kế toán. Theo quy định hiện hành, hệ thống báo cáo tài chính bao gồm:

- Bảng cân đối kế toán (B01-DN)
- Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh (B02-DN)
- Thuyết minh báo cáo tài chính (B09-DN)
- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ

2.2 Thực trạng công tác kế toán vốn bằng tiền tại chi nhánh Công ty cổ phần Cảng Đoạn Xá:

2.2.1: Tổ chức kế toán tiền mặt tại quỹ:

Hàng ngày tại Công ty luôn phát sinh các nghiệp vụ thu, chi xen kẽ nhau lên bao giờ cũng có một lượng tiền tồn quỹ nhất định đáp ứng nhu cầu thu, chi cần thiết.

2.2.1.1: Chứng từ sử dụng:

- Chứng từ kế toán sử dụng để hạch toán tiền mặt tại Công ty bao gồm:
 - + Phiếu thu (Mẫu số 01-TT)
 - + Phiếu chi (Mẫu số 02-TT)
 - + Giấy đề nghị tạm ứng (Mẫu số 03-TT)
- Khi nhận chứng từ gốc: HĐ GTGT mua vào hoặc bán ra, giấy đề nghị thanh toán, giấy đề nghị tạm ứng,... Căn cứ vào chứng từ gốc kế toán viên nhập số liệu viết phiếu thu, phiếu chi trên máy.

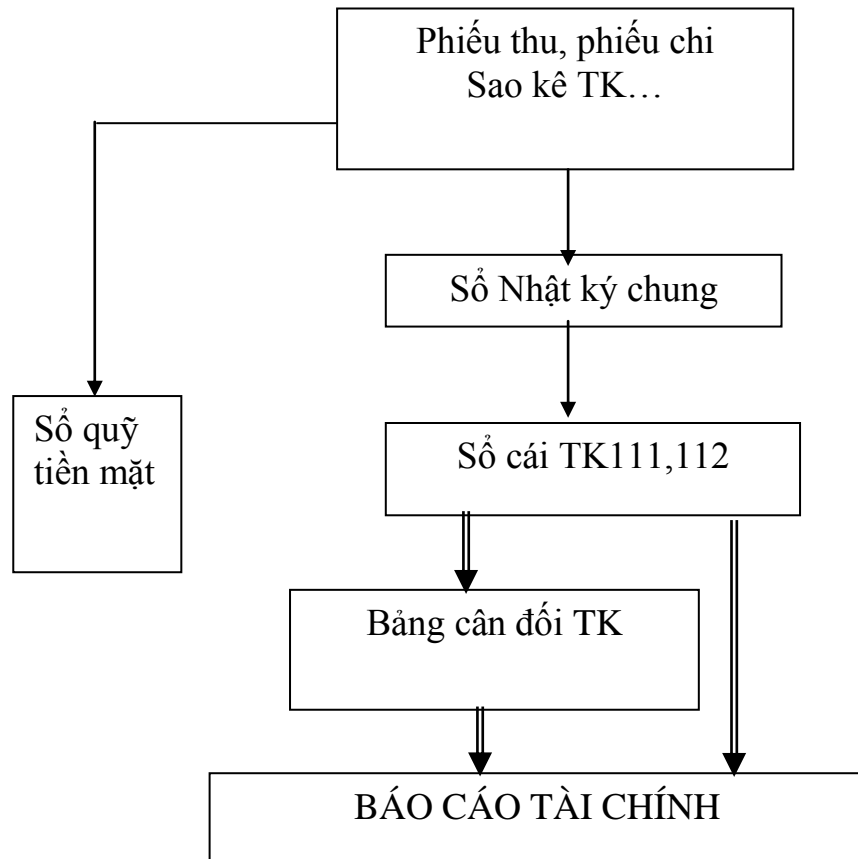
2.2.1.2: Tài khoản sử dụng:

Tài khoản 111– Tiền Việt Nam chi tiết thành 3 tài khoản cấp 2:

- 1111: tiền Việt Nam
- 1112: ngoại tệ

2.2.1.3. Quy trình hoạch toán

Quy trình hoạch toán tiền tại quỹ tại Công ty cổ phần Cảng Đoạn Xá được phản ánh qua sơ đồ sau:



Trong tháng 12/2010, Công ty cổ phần Cảng Đoạn Xá phát sinh nhiều nghiệp vụ kinh tế liên quan đến thu, chi tiền mặt. Sau đây là một số nghiệp vụ minh họa:

Một số nghiệp vụ chi tiền mặt

VD1: Ngày 02/12 chi cho bà Lê Thị Thủy để thanh toán tiền thuê xe nâng của công ty TNHH ô tô xe máy Tiên Phát, số tiền: 10.593.000 đ

Kế toán định khoản :

Nợ TK 627: 9.630.000

Nợ TK 133: 963.000

Có TK 111: 10.593.000

Căn cứ vào hóa đơn giá trị gia tăng số 005401 (Biểu 2.1)

Bà Lê Thị Thủy gửi giấy đề nghị thanh toán lên phòng Tài Chính – Kế toán (Biểu 2.2) với số tiền là 10.593.000

Kế toán sau khi xem xét các giấy tờ liên quan trình lên giám đốc duyệt chi, sau đó kế toán lập phiếu chi số 105 (Biểu 2.3)

Căn cứ vào phiếu chi số 105 có đầy đủ chữ ký xác nhận của các bên liên quan, kế toán lập sổ Nhật ký chung (Biểu 2.11), từ sổ Nhật ký chung kế toán vào sổ cái TK 111 (Biểu 2.12).

Từ PC 105 kế toán vào sổ quỹ tiền mặt (Biểu 2.13)

Cuối quý, tổng hợp số liệu từ sổ cái vào Báo cáo tài chính.

VD2: Trả tiền lãi cho ông Phạm Đình Thành bằng tiền mặt:

Ngày 31/12/2010 : Chi nhánh công ty trả lãi vay Ông Phạm Đình Thành với số tiền là: 4.800.000

Kế toán định khoản:

Nợ TK 642: 4.800.00

Có TK 111: 4.800.000

Dựa vào bảng kê tính lãi (Biểu 2.4), kế toán trình lên kế toán trưởng, giám đốc xem xét. Sau khi được giám đốc ký duyệt, kế toán viết phiếu chi số 465 (Biểu 2.5)

Căn cứ vào phiếu chi kế toán số 465 kế toán lập sổ Nhật ký chung (Biểu 2.11), từ sổ Nhật ký chung kế toán vào sổ cái TK 111 (Biểu 2.12).

Từ PC 465 kế toán vào sổ quỹ tiền mặt (Biểu 2.13)

Cuối quý, tổng hợp số liệu từ sổ cái vào Báo cáo tài chính

Một số nghiệp vụ về thu tiền mặt:

VD3: Ngày 01/12: Thu cước vận chuyển nội địa của công ty TNHH Trường Phát bằng tiền mặt với số tiền là: 682.000

Khi thu cước vận chuyển hàng hóa Công ty cổ phần Cảng Đoạn Xá đã lập hóa đơn GTGT số 0336035 (Biểu 2.6) thành ba liên, liên 1 lưu tại cuống, liên 2 giao cho khách hàng(hóa đơn đỏ), liên 3 lưu hành nội bộ.

Kế toán lập phiếu thu số 121 (Biểu 2.7)

Từ các phiếu thu kế toán vào sổ quỹ tiền mặt (Biểu 2.13), vào sổ Nhật ký chung (Biểu 2.11), từ sổ Nhật ký chung vào sổ cái TK 111 (Biểu 2.12).

Cuối quý, tổng hợp số liệu từ sổ cái vào Báo cáo tài chính.

Ví dụ 4: Rút tiền gửi ngân hàng (VNĐ) về nhập quỹ tiền mặt

Ngày 12/12/2010: Chị Nguyễn Vân Anh – nhân viên phòng kế toán tại công ty rút tiền gửi về nhập quỹ tiền mặt với số tiền là 150.000.000

Dựa vào giấy lĩnh tiền mặt (Biểu 2.8), và giấy báo nợ (Biểu 2.9) kế toán lập phiếu thu số 432 (Biểu 2.10). Sau đó thủ quỹ làm thủ tục nhập quỹ.

Căn cứ vào các chứng từ : Giấy lĩnh tiền mặt, GBN, phiếu thu 432 kế toán vào sổ Nhật ký chung (Biểu 2.11), từ Nhật ký chung vào sổ cái TK 111 (Biểu 2.12).

Từ PT 432 kế toán vào sổ quỹ tiền mặt (Biểu 2.13).

Cuối quý, tổng hợp số liệu từ sổ cái vào Báo cáo tài chính

HÓA ĐƠN

GIÁ TRỊ GIA TĂNG

Liên 2: Giao khách hàng

Ngày 02 tháng 12 năm 2010

Mẫu số: 01 GTKT- 3LL

AX/2010B

005401

Đơn vị bán hàng: Công ty TNHH ô tô xe máy Tiến Phát

Địa chỉ: Số 150 Tô Hiệu – Hải Phòng

Số tài khoản:

.....

Điện thoại: MS

Họ tên người mua hàng: Nguyễn Văn Cường

Tên đơn vị: Công ty cổ phần Cảng Đoạn Xá

Địa chỉ: Số 15 đường Ngô Quyền – Hải Phòng

Số tài khoản:

Hình thức thanh toán: MS

STT	Tên hàng hoá, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
A	B	C	1	2	3=1x2
1	Phí nâng hàng				9.630.000
Cộng tiền hàng:					9.630.000
Thuế suất GTGT: 10%		Tiền thuế GTGT:		963.000	
Tổng cộng tiền thanh toán					10.593.000
Số tiền viết bằng chữ: Mười triệu năm trăm chín mươi ba nghìn đồng chẵn ./.					

Người mua hàng
(Ký, ghi rõ họ tên)

Người bán hàng
(Ký, ghi rõ họ tên)

Thủ trưởng đơn vị
(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao, nhận hoá đơn)

Biểu 2.1 Hóa đơn giá trị gia tăng

Công ty cổ phần Cảng Đoạn Xá

Mẫu số 03- TT

Số 15- đường Ngô Quyền-Hải Phòng

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC

ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

GIẤY ĐỀ NGHỊ THANH TOÁN

Ngày 02 tháng 12 năm 2010

Kính gửi : Giám đốc Công ty cổ phần Cảng Đoạn Xá

Tên tôi là: Lê Thị Thủy

Địa chỉ : Phòng Kế Toán

Lý do chi : Thanh toán tiền thuê xe nâng.

Số tiền : 10.593.000

Viết bằng chữ : Mười triệu năm trăm chín ba nghìn đồng chẵn.

Các chứng từ kèm theo :

1 : Phiếu chi

2.....

3.....

Tôi xin chân thành cảm ơn.

Giám đốc

Kế toán trưởng

Thủ quỹ

Người phụ trách

Người đề nghị

bộ phận

tạm ứng

(Ký, họ tên, đóng dấu)

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

Biểu 2.2 Giấy đề nghị thanh toán

PHIẾU CHI

Công ty cổ phần Cảng Đoạn Xá
Số 15 đường Ngô Quyền-Hải Phòng

Mẫu số 02- TT
(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

Ngày 02 tháng 12 năm 2010

Số 105

Nợ TK 627 : 9.630.000

Nợ TK133: 963.000

Có TK 111 : 10.593.000

Họ tên người nhận tiền: Lê Thị Thủy

Địa chỉ : Công ty cổ phần Cảng Đoạn Xá

Lý do chi : Chi trả tiền thuê xe nâng

Số tiền : 10.593.000

Viết bằng chữ : Mười triệu năm trăm chín ba nghìn đồng chẵn.

Kèm theo : Giấy đề nghị thanh toán

Ngày 02 tháng 12 năm 2010

Giám đốc	Kế toán trưởng	Thủ quỹ	Người lập phiếu	Người nhận
<i>(Ký, họ tên, đóng dấu)</i>	<i>(Ký, họ tên)</i>	<i>(Ký, họ tên)</i>	<i>(Ký, họ tên)</i>	<i>(Ký, họ tên)</i>

Biểu: 2.3 Phiếu chi số 105

BẢNG KÊ LÃI TIỀN VAY

Tháng 12 năm 2010

Theo giấy biên nhận vay tiền ngày 01/12/2010

Số tiền lãi vay phải trả ông: Phạm Đình Thành từ ngày 01/12/2010 đến ngày 31/12/2010

STT	Số tiền gốc vay	Thời điểm vay	Số tháng	Lãi suất	Số tiền lãi vay	Ghi chú
1	400.000.000	01/12/2010	1	1.2%	4.800.000	
Cộng	400.000.000				4.800.000	

Bằng chữ: Bốn triệu tám trăm nghìn đồng chẵn./.

Người lập bảng

Ký tên

Biểu 2.4 Trích bảng kê tính lãi

Công ty cổ phần Cảng Đoạn Xá
Số 15 đường Ngô Quyền-Hải Phòng

Mẫu số 02- TT
(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

PHIẾU CHI

Số 465

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

Nợ TK 642: 4.800.000

Có TK 111: 4.800.000

Họ tên người nhận tiền: Phạm Đình Thành

Địa chỉ :

Lý do chi : Trả lãi vay cho ông Phạm Đình Thành

Số tiền : 4.800.000

Viết bằng chữ : Bốn triệu tám trăm nghìn đồng chẵn./.

Kèm theo : Chứng từ gốc

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

Giám đốc	Kế toán trưởng	Thủ quỹ	Người lập phiếu	Người nhận
<i>(Ký, họ tên, đóng dấu)</i>	<i>(Ký, họ tên)</i>	<i>(Ký, họ tên)</i>	<i>(Ký, họ tên)</i>	<i>(Ký, họ tên)</i>

Biểu: 2.5 Phiếu chi số 465

HÓA ĐƠN
GIÁ TRỊ GIA TĂNG

Mẫu số: 01 GTKT- 3LL
MV/2010A
0336035

Liên 3: (Lưu hành nội bộ)

Ngày 01 tháng 12 năm 2010

Đơn vị bán hàng: Công ty cổ phần Cảng Đoạn Xá
Địa chỉ: Số 15 Ngô Quyền-Hải Phòng
Số tài khoản: MST: 0301874259
Điện thoại: MS

Họ tên người mua hàng: Đinh Văn Toàn
Tên đơn vị: Công ty Cổ Phần Trường Phát
Địa chỉ: Số 31 - Kiến An - Hải Phòng
Số tài khoản:

Hình thức thanh toán: MS

0	1
---	---

0	0	7	4	1	5	9
---	---	---	---	---	---	---

2

--	--	--

STT	Tên hàng hoá, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
A	B	C	1	2	3=1x2
1	Cước vận chuyển nội địa				620.000
Cộng tiền hàng:					620.000
Thuế suất GTGT: 10%			Tiền thuế GTGT:		62.000
Tổng cộng tiền thanh toán:					682.000
Số tiền viết bằng chữ: Sáu trăm tám mươi hai nghìn đồng chẵn./.					

Người mua hàng Người bán hàng Thủ trưởng đơn vị
(Ký, ghi rõ họ tên) (Ký, ghi rõ họ tên) (Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao, nhận hoá đơn)

Biểu 2.6 Hoá đơn giá trị gia tăng số 0336035

Công ty cổ phần Cảng Đoạn Xá
Số 15 đường Ngô Quyền-Hải Phòng

Mẫu số 01- TT
(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

PHIẾU THU

Số 121

Ngày 01 tháng 12 năm 2010

Nợ 111

Có 511; 3331

Họ tên người nộp tiền : Đinh Văn Toàn

Địa chỉ : Công ty TNHH Trường Phát

Lý do thu : Thu cước vận chuyển nội địa

Số tiền : 682.000

Viết bằng chữ : Sáu trăm tám mươi hai nghìn đồng chẵn

Kèm theo :chứng từ gốc

Đã nhận đủ số tiền (Viết bằng chữ) : Sáu trăm tám mươi hai nghìn đồng chẵn

Ngày 01 tháng 12 năm 2010

Giám đốc	Kế toán	Thủ quỹ	Người lập	Người
<i>(Ký, họ tên, đóng</i>	trưởng	<i>(Ký, họ</i>	phiếu	nhận
<i>dấu)</i>	<i>(Ký, họ tên)</i>	<i>tên)</i>	<i>(Ký, họ tên)</i>	<i>(Ký, họ</i>
				<i>tên)</i>

Biểu 2.7 Phiếu thu số 121

GIẤY LĨNH TIỀN MẶT

Ngày 12 tháng 12 năm 2010

Số AB:165432

KHTK: 0032345675679

Công ty cổ phần Cảng Đoạn Xá
Số 15 Đường Ngô Quyền - Hải Phòng

Phản do Ngân hàng ghi

Họ tên người lĩnh tiền: Nguyễn Văn Anh

Mã NH

GCMT số: 031525494 công an HP cấp ngày 09/05/2003

5542

Yêu cầu rút tiền(bằng chữ): Một trăm năm mươi triệu đồng chẵn ./.

Tài khoản số: 0032345675679

Số tiền bằng số:

Tại ngân hàng: Công Thương Hải Phòng

150.000.000

Nội dung: Rút tiền gửi ngân hàng nhập quỹ tiền mặt

Thanh toán viên	Kiểm soát	Người lĩnh tiền	Thủ quỹ	Giám đốc
(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)

Biểu 2.8 Trích giấy lĩnh tiền mặt

Ngân hàng Công Thương
VIETINBANK HAIPHONG

Mã GDV: BATCH
Mã KH: 454321

GIẤY BÁO NỢ

Ngày 12/12/2010

Kính gửi : Công ty Công ty cổ phần Cảng Đoạn Xá
Số 15 đường Ngô Quyền-Hải Phòng

Hôm nay, chúng tôi xin báo đã ghi Nợ tài khoản của quý khách hàng với nội dung sau:

Số tài khoản ghi Nợ : 0032345675679

Số tiền bằng số : 150.000.000

Số tiền bằng chữ : Một trăm năm mươi triệu đồng chẵn ./.

Nội dung : Rút TM về nhập quỹ .

Giao dịch viên

Kiểm soát

Biểu 2.9 Giấy báo nợ

Công ty cổ phần Cảng Đoạn Xá
Số 15 đường Ngô Quyền-Hải Phòng

Mẫu số 01- TT
(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

PHIẾU THU

Số 432

Ngày 12 tháng 12 năm 2010

Nợ TK 111: 150.000.000

Có TK 112: 150.000.000

Họ tên người nộp tiền : Nguyễn Văn Anh

Địa chỉ : Phòng kế toán – Tài chính

Lý do thu : Rút tiền gửi ngân hàng về nhập quỹ

Số tiền : 150.000.000

Viết bằng chữ : Một trăm năm mươi triệu đồng chẵn ./.

Kèm theo :chứng từ gốc

Đã nhận đủ số tiền (Viết bằng chữ) : Một trăm năm mươi triệu đồng chẵn .

Ngày 12 tháng 12 năm 2010

Giám đốc	Kế toán trưởng	Thủ quỹ	Người lập phiếu	Người nhận
(Ký, họ tên, đóng dấu)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)

Biểu 2.10 Phiếu thu số 432

SỔ NHẬT KÝ CHUNG
Năm 2010

ĐVT: VNĐ

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Đã ghi sổ cái	TK ĐƯ	Số phát sinh	
	Số hiệu	Ngày tháng				Nợ	Có
						
01/12/2010	PC 96	01/12/2010	Chi quản cáo	x	641	2.800.000	
01/12/2010	PC 96	01/12/2010	Chi quản cáo	x	133	280.000	
01/12/2010	PC 96	01/12/2010	Chi quản cáo	x	111		3.080.000
01/12/2010	PT 121	01/12/2010	Thu cước vận chuyển nội địa	x	111	682.000	
01/12/2010	PT 121	01/12/2010	Thu cước vận chuyển nội địa	x	511		620.000
01/12/2010	PT 121	01/12/2010	Thu cước vận chuyển nội địa	x	3331		62.000
02/12/2010	PC 105	02/12/2010	Chi trả tiền thuê xe nâng	x	627	9.630.000	
02/12/2010	PC 105	02/12/2010	Chi trả tiền thuê xe nâng	x	133	963.000	
02/12/2010	PC 105	02/12/2010	Chi trả tiền thuê xe nâng	x	111		10.593.000
						
05/12/2010	PC 108	05/12/2010	Chi mua mực máy photo tài liệu	x	642	850.000	
05/12/2010	PC 108	05/12/2010	Chi mua mực máy photo tài liệu	x	1331	85.000	
05/12/2010	PC 108	05/12/2010	Chi mua mực máy photo tài liệu	x	111		935.000
	...						
12/12/2010	PT 432	12/12/2010	Rút TGNH về nhập quỹ	x	111	150.000.000	
12/12/2010	PT 432	12/12/2010	Rút TGNH về nhập quỹ	x	112		150.000.000
	...						
31/12/2010	PC 465	31/12/2010	Trả lãi vay cho ông Phạm Đình Thành	x	642	4.800.000	
31/12/2010	PC 465	31/12/2010	Trả lãi vay cho ông Phạm Đình Thành	x	111		4.800.000
...
			Tổng cộng			1.234.413.556.973	1.234.413.556.973

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)
Biểu 2.11: Sổ nhật ký chung

Ngày 31 tháng 12 năm 2010
Giám đốc
(Ký tên, đóng dấu)

Hoàn thiện công tác kế toán vốn bằng tiền tại Công ty cổ phần Cảng Đoạn Xá

**SỔ CÁI
Năm 2010**

ĐVT: VNĐ

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Số phát sinh	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
			<i>Số dư đầu tháng</i>		79.314.088	
			...			
31/12/2010	PC 96	01/12/2010	Chi quảng cáo	641		2.800.000
31/12/2010	PC 96	01/12/2010	Chi quảng cáo	133		280.000
					
01/12/2010	PT 121	01/12/2010	Thu cước vận chuyển nội địa	511	620.000	
01/12/2010	PT 121	01/12/2010	Thu cước vận chuyển nội địa	3331	62.000	
					
02/12/2010	PC 105	02/12/2010	Chi trả tiền thuê xe nâng	627		9.630.000
02/12/2010	PC 105	02/12/2010	Chi trả tiền thuê xe nâng	133		963.000
....			
12/12/2010	PT 432	12/12/2010	Rút TGNH về nhập quỹ	112	150.000.000	
					
18/12/2010	PT 445	18/12/2010	Khách hàng trả tiền	131	145.500.000	
					
31/12/2010	PC 465	31/12/2010	Trả lãi vay cho ông Phạm Đình Thành	642		4.800.000
			<i>Cộng số phát sinh trong tháng</i>		687.975.404	609.323.614
			<i>Số dư cuối tháng</i>		157.947.878	

Tài khoản 111: Tiền mặt

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Ngày 31 tháng 12 năm 2010
Giám đốc
(Ký tên, đóng dấu)

Biểu 2.12: Sổ cái TK 111

Công ty cổ phần Cảng Đoạn Xá
Số 15 đường Ngô Quyền-Hải Phòng

Mẫu số 02a - DN
(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ QUỸ TIỀN MẶT
Năm 2010

NTGS	NTCT	Số hiệu		Diễn giải	Số tiền		
		Thu	Chi		Thu	Chi	Tồn
				Tồn đầu tháng 12			79.314.088
01/12	01/12	PT121		Thu cước vận chuyển nội địa Cty TNHH Trường Phát	682.000		79.996.088
01/12	01/12	PT 122		Thu phí xếp dỡ	1.559.250.		81.555.338
02/12	02/12		PC105	Chi trả tiền thuê xe nâng		10.593.000	70.962.338
05/12	05/12		PC 108	Chi tiền mua mực photo tài liệu		935.000	70.027.338
...			
08/12	08/12	PT 128		Thu cước đường biển hàng nhập hộ JF HILLEBRAND	13.821.850		109.098.500
			PC 453	Trả cước điện thoại		4.522.000	104.576.500
12/12	12/12	PT 432		Rút tiền gửi ngân hàng về nhập quỹ tiền mặt	150.000.000		254.576.500
...			
31/12	31/12		PC 465	Trả lãi vay ông Phạm Đình Thành		4.800.000	430.580.456
...
				Cộng phát sinh	687.957.404	609.323.614	
				Số dư cuối kỳ			157.947.878

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên)

Biểu 2.13 Trích sổ quỹ tiền mặt tháng 12 năm 2010

2.2.2 Tổ chức kế toán tiền gửi ngân hàng tại Công ty cổ phần Cảng Đoạn Xá

Tại Công ty cổ phần Cảng Đoạn Xá, kế toán tiền gửi ngân hàng phải phản ánh chính xác, đầy đủ, kịp thời tình hình tiền gửi, giám sát việc chấp hành các chế độ quy định về quản lý tiền mặt và chế độ thanh toán không dùng tiền mặt. Toàn bộ vốn bằng tiền của doanh nghiệp trừ số giữ lại tại quỹ tiền mặt còn lại đều gửi vào tài khoản mở tại ngân hàng.

Các bạn hàng của công ty phần lớn là các doanh nghiệp trong nước, công ty có quan hệ kinh doanh với một số đối tác nước ngoài như: Công ty giầy STATEWAY Đài Loan, Công ty BACHY – SOLETANCE Hoa Kỳ, Công ty CLT BAGKOK THAILAND Với đồng ngoại tệ là USD. Công ty thực hiện việc ghi sổ kế toán và lập báo cáo tài chính theo Đồng Việt Nam.

Công ty mở tài khoản giao dịch tại: Ngân hàng công thương Việt Nam VIETINBANK.

2.2.2.1 Chứng từ sử dụng

- ❖ Giấy báo nợ
- ❖ Giấy báo có
- ❖ Bảng sao kê của ngân hàng
- ❖ Kèm theo các chứng từ khác: Ủy nhiệm chi, ủy nhiệm thu, séc chuyển khoản...
 - Khi nhận được chứng từ từ ngân hàng chuyển đến, kế toán phải kiểm tra đối chiếu với chứng từ kèm theo. Trường hợp có sự chênh lệch số liệu trên sổ kế toán chứng từ, sổ kế toán của doanh nghiệp với số liệu trên chứng từ của ngân hàng thì kế toán phải thông báo cho ngân hàng để kịp thời xác minh, đối chiếu và xử lý.

Cuối tháng chưa xác định được nguyên nhân chênh lệch thì kế toán ghi sổ theo số liệu của ngân hàng.

Sang tháng tiếp tục kiểm tra, đối chiếu, xác định nguyên nhân để điều chỉnh số liệu ghi sổ.

2.2.2.2 Tài khoản sử dụng

Để phản ánh tình hình tăng, giảm và số hiện có về các tài khoản tiền gửi của doanh nghiệp, kế toán sử dụng TK 112.

Kế toán chỉ giao dịch với một ngân hàng VIETINBANK HAIPHONG

Tiền gửi tại ngân hàng tại Công ty được theo dõi chi tiết trên tài khoản 112 với 2 TK cấp 2:

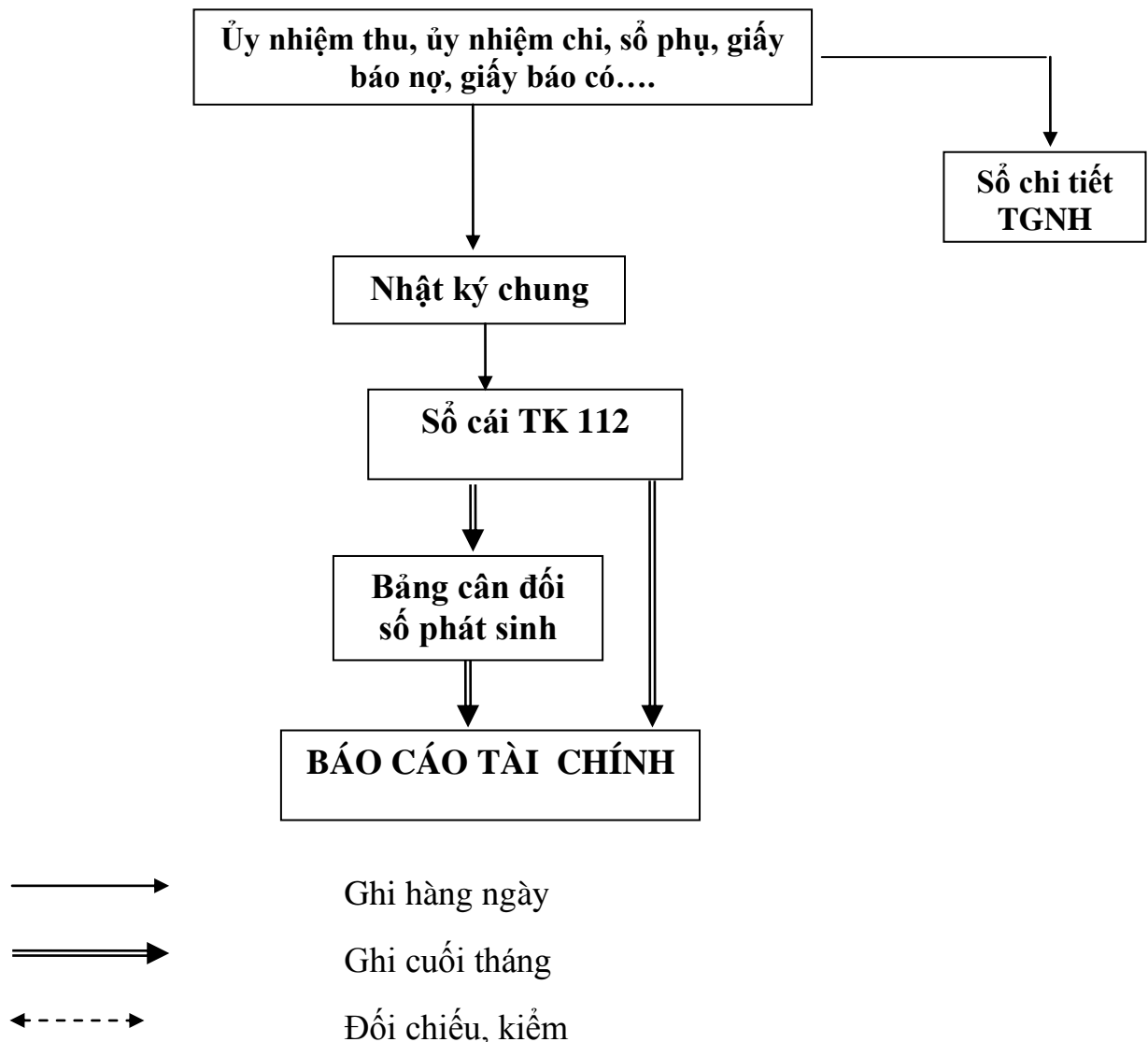
+ TK 1121 – Tiền gửi ngân hàng VND

+ TK 1122 – Tiền gửi ngoại tệ USD

Ngoài ra kế toán còn sử dụng các tài khoản liên quan khác như: TK 111, 131, 515,....

2.2.2.3 Quy trình hạch toán

Quy trình hạch toán tiền gửi ngân hàng tại Công ty cổ phần Cảng Đoạn Xá được phản ánh qua sơ đồ sau:



Ví dụ: Một số nghiệp vụ kế toán ngân hàng tại Công ty cổ phần Cảng Đoạn Xá:

Trong tháng 12 năm 2010 Công ty có rất nhiều nghiệp vụ phát sinh liên quan đến tiền gửi Ngân hàng, sau đây em xin đưa ra một vài nghiệp vụ phát sinh trong tháng 12 của công ty:

Ví dụ một số về nghiệp vụ tăng tiền gửi: tại phòng Tài Chính – Kế Toán

VD1:

Ngày 02/12 Công ty nộp tiền mặt vào ngân hàng với: Số tiền 100.000.000

Khi phát sinh nghiệp vụ nộp tiền mặt vào ngân hàng, kế toán mang tiền đến ngân hàng Công Thương Việt Nam để nộp: tại ngân hàng Công Thương Việt Nam phát hành giấy nộp tiền (Biểu 2.14), ghi nhận công ty cổ phần Cảng Đoạn Xá đã nộp: Cuối ngày kế toán căn cứ vào phiếu nộp tiền và sổ phụ số 0472 (Biểu 2.15) do ngân hàng chuyển đến để ghi sổ kế toán:

Từ sổ phụ kế toán lập sổ chi tiết tiền gửi ngân hàng VNĐ (Biểu 2.20).

Từ chứng từ gốc, kế toán lập sổ Nhật Ký Chung (Biểu 2.22), từ sổ Nhật Ký Chung vào Sổ Cái (Biểu 2.23).

Cuối quý, tổng hợp số liệu từ sổ cái vào Báo cáo tài chính.

VD2: Thu nợ phải thu bằng ngoại tệ:

Ngày 06/12/2010 công ty nhận được giấy báo Có từ ngân hàng (Biểu 2.16) Thông báo Công ty BACHY – SOLETANCE Hoa Kỳ trả tiền phí giao nhận hàng hóa tháng 11 số tiền là 18.976 USD

Đồng thời ngân hàng chuyển giấy báo nợ (Biểu 2.17) với nội dung: Ngân hàng thu phí chuyển tiền với số tiền 20,98 USD.

Tỷ giá ghi nhận nợ phải thu kế toán sử dụng tỷ giá đã thỏa thuận với bên khách hàng là: 20.550 (VND/USD)

+> Kế toán định khoản:

Nợ TK 1122: $20.650 \times 18.976 = 391.854.400$

Có TK 131: $20.650 \times 18.976 = 391.854.400$

Căn cứ vào các chứng từ: Giấy báo Có, sổ hạch toán chi tiết, kế toán kiểm tra, đối chiếu với ngân hàng để đảm bảo tính chính xác, hợp lý của số liệu.

Từ giấy báo Có kế toán lập sổ chi tiết tiền gửi ngân hàng Ngoại tệ (Biểu 2.21) và lập sổ Nhật ký chung (Biểu 2.22) kế toán vào sổ cái TK 112 (Biểu 2.23).

Cuối quý, tổng hợp số liệu từ sổ cái vào Báo cáo tài chính.

Ví dụ một số nghiệp vụ giảm tiền gửi ngân hàng tại Phòng Kế toán – Tài Chính tại Công ty cổ phần Cảng Đoạn Xá

VD3: Ngày 08/12 Chi tiền cước vận chuyển tàu biển bằng tiền gửi ngân hàng với số tiền là: 21.000.000

Khi phát sinh nghiệp vụ thanh toán qua Ngân hàng, kế toán công ty gửi ủy nhiệm chi đến Ngân hàng Công thương – Hải Phòng (Biểu 2.18)

Ngân hàng nhận được ủy nhiệm chi tiến hành thanh toán đồng thời gửi giấy báo nợ (Biểu 2.19)

Căn cứ vào các chứng từ: ủy nhiệm chi, kế toán kiểm tra, đối chiếu với ngân hàng để đảm bảo tính chính xác, hợp lý của số liệu.

Từ ủy nhiệm chi kế toán lập sổ chi tiết tiền gửi ngân hàng VND (Biểu 2.20)

Từ chứng từ kế toán lập sổ Nhật ký chung (Biểu 2.22) kế toán vào sổ cái TK 112 (Biểu 2.23)

Ngân hàng Công Thương Việt Nam

Liên 2/Copy

VIETINBANK HAIPHONG

Số/ No...Giao người nộp

GIẤY NỘP TIỀN

Cash Deposit Slip

Ngày/Date: 02/12/2010

Tài khoản có/ Credit A/C No: 102010000205036

Tên tài khoản/Account name: Công ty cổ phần Cảng Đoạn Xá

Số tiền bằng chữ/Inword: Một trăm triệu đồng.

Người nộp tiền/ Deposited by: Trần Tuấn Anh

Địa chỉ/Address: Công ty cổ phần Cảng Đoạn Xá.

Tại ngân hàng/with bank: Công thương CN Tô Hiệu

Nội dung nộp/remarks: Nộp vào tài khoản

Số tiền bằng số: (Amount in figures) 100.000.000

Người nộp tiền

Giao dịch viên

Kiểm soát viên

Deposito signnature

Teller

Supervisor

Biểu 2.14 Giấy nộp tiền

NGÂN HÀNG CÔNG THƯƠNG VIỆT NAM

VIETINBANK HAIPHONG

Sổ phụ/Statement

Số 0125

Tên khách hàng (Customer name): Ngày in(Print out date):02/12/2010

Chi nhánh Công ty cổ phần Cảng Đoàn Xá. Loại tiền gửi: (DP kind):

Địa chỉ: 15 – Ngô Quyền – Hải Phòng Số tài khoản: (A/C No):

Loại tiền (Ccy): VND

Tài khoản người sở hữu: (Joint A/C)

Tình trạng tài khoản (A/C status) Active:

Số dư ngày trước (Prior Statement): 1.245.987.589

Số dư cuối ngày (Ending balance): 1.396.507.553

Số bút toán/ Doanh số nợ (Less debit): 1

Số bút toán/ Doanh số có (Plus debit):

Ngày	Ghi chú	Nợ	Có	Số dư	Số tham chiếu
2/12/2010	Nộp tiền vào NH		100.000.000	1.396.307.553	

Giao dịch viên

Kiểm soát viên

Biểu 2.15 Sổ phụ

NGAN HANG CONG THUONG VIET NAM

GIAY BAO CO

IBT-ONLINE

VIETINBANK HAI PHONG

Ngày 06/12/2010

Gio in: 3:34:04 PM

So chung tu: 03456787654

So chuyen tien: 321457898765434

Note:

Tru so chinh: TK ghi No: 123456432

Nguoi tra tien: CONG TY BACHY – SOLETANCE HOA KY

So tai khoan: 123456432

NHCT Hai Phong : TK ghi co:

Nguoi huong: CONG TY CO PHAN CANG DOAN XA

So TK: : 003.456.789.987.1

Tai NH: VIETINBANK HAIPHONG

So CMT:

Dia chi: HAIPHONG

So tien: **USD 18,976**

Muoi tam nghin chin tram bay muoi sau đô la Mỹ

Ty gia 1: USD20.550

Ty gia 2: 20.650

Noi dung: Tra tien phi giao nhan hang hoa thang 11

MA VAT Ngan hang: 01009876543987

MA VAT Khách hang:

GIAO DICH VIEN

LIEN 2

PHONG NGHIEP VU

Biểu 2.16 Trích giấy báo Có số

\

NGAN HANG CONG THUONG VIETNAM GIAY BAO NO IBT-ONLINE
VIETINBANK HAI PHONG Ngay 06/12/2010 Gio in: 3:34:04 PM

So chung tu: 03456787655

So chuyen tien: 321457898765435

Note:

Tru so chinh: TK ghi No: 123456432

Nguoi tra tien: CONG TY BACHY – SOLETANCE HOA KY

So tai khoan: 012356432

NHCT Hai Phong : TK ghi co: 45209876543

Nguoi huong: Thu phi CTD (co VAT)

So TK: 45209876543 Tai NH: VIETINBANK HAIPHONG

So CMT:

Dia chi: HAIPHONG

So tien: **USD 20.98**

Hai moi phay chin muoi tam USD

Ty gia 1: USD 20.550 **Ty gia 2:** 20.650

Noi dung: Phi CT den cua bao co so 00987654, phi VIETINBANK HAIPHONG:
19.073USD, VAT: 1,9073 USD

MA VAT Ngan hang: 01009876543987 MA VAT Khach hang:

GIAO DICH VIEN

LIEN 2

PHONG NGHIEP VU

Biểu 2.17 Trích giấy báo Nợ

ỦY NHIỆM CHI

Số: 0145 Lập ngày 08/12/2010

CHUYỂN KHOẢN, CHUYỂN TIỀN, THU, ĐIỆN.

Tên đơn vị trả tiền: CONG TY CP CANG DOAN XA.....
Số tài khoản: 003.456.789.987.1
Tại ngân hàng: Công Thương_Hải Phòng

PHẦN DO NH GHI
TÀI KHOẢN CÓ

Tên đơn vị nhận tiền: CT CPTM VẬN TẢI QUỐC TẾ VÀ ĐẦU TƯ GTVT Hải Anh
Số TK: 003.785.654.123.9
Tại ngân hàng: Đông Á_ Chi nhánh Hải Phòng

**SỐ TIỀN BẰNG
SỐ
21.000.000**

Số tiền bằng chữ: : Hai mươi một triệu đồng chẵn ./.....

Nội dung thanh toán: Trả tiền cước vận chuyển

Đơn vị trả tiền	Ngân hàng A	Ngân hàng B
Kế toán	Ghi sổ ngày: 15/12/10	Ghi sổ ngày 15/12/10
	Kế toán TP Kế toán	Kế toán TP Kế toán

Biểu 2.18 Ủy nhiệm chi

Hoàn thiện công tác kế toán vốn bằng tiền tại Công ty cổ phần Cảng Đoàn Xá

NGAN HANG CONG THUONG VIETNAM	GIẤY BÁO NỢ	IBT-ONLINE
VIETINBANK HAI PHONG	Ngày 08/12/2010	Gio in: 4:34:04 PM

Số chứng từ: 03456787891

Số chuyển tiền: 43678098765432

Note:

Trụ sở chính: TK ghi Nợ: 345678906

Người trả tiền: *CONG TY CP CANG DOAN XA*

Số tài khoản: 003.456.789.987.1

NHCT Hải Phòng: TK ghi có: 45209876543

Người hưởng: CT CPTM VẬN TÀI QUỐC TẾ VÀ ĐẦU TƯ GTVT Hải Anh

Số TK: 003.785.654.123.9 Tại NH: VIETINBANK HAIPHONG

Số CMT:

Địa chỉ: HAIPHONG

Số tiền: **21.000.000**

Hai mươi một triệu đồng chẵn./.

Nội dung: Trả cước vận chuyển tàu biển (HP-TP Hồ Chí Minh)

Mã VAT Ngân hàng: 01009876543989 Mã VAT Khách hàng:

GIAO DỊCH VIÊN

LIÊN 2

PHÒNG NGHIỆP VỤ

Biểu 2.19 Trích giấy báo Nợ

Hoàn thiện công tác kế toán vốn bằng tiền tại Công ty cổ phần Cảng Đoạn Xá

Công ty cổ phần Cảng Đoạn Xá

Số 15 – Ngô Quyền – Hải Phòng

SỔ CHI TIẾT TIỀN GỬI NGÂN HÀNG VNĐ 0034567876543

Năm 2010

Nơi mở tài khoản giao dịch : Ngân hàng công thương Hải Phòng

Ngày, tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Số tiền		
	Số hiệu	Ngày tháng			Thu (gửi vào)	Chi (rút ra)	Còn lại
			- Số dư đầu tháng 12				608.069.065
			-Số phát sinh trong tháng 12				
01/12		01/12	Rút tiền gửi NH về nhập quỹ TM	111		100.000.000	
02/12	SP 0125	02/12	Nộp tiền vào ngân hàng	111	100.000.000		
03/12	UNT 654	03/12	Thu phí xếp dỡ	511	16.500.000		
03/12	UNT 654	03/12	Thu phí xếp dỡ	3331	1.650.000		
				
08/12	UNC 0812	08/12	Trả cước vận chuyển hàng bằng tàu biển	642		20.000.000	
08/12	UNC 0812	08/12	Trả cước vận chuyển hàng bằng tàu biển	133		1.000.000	
			
31/12	GBC 3112	31/12	Ngân hàng trả lãi tiền gửi	515	2.999.315		
					
			-Cộng số phát sinh trong tháng		1.061.455.904	538.669.982	
			-Số dư cuối tháng 12				1.130.854.987

Biểu 2.20. Trích sổ chi tiết tiền gửi ngân hàng VNĐ tháng 12/2010

Công ty cổ phần Cảng Đoạn Xá

Số 15 – Ngô Quyền – Hải Phòng

SỔ THEO DÕI TIỀN GỬI NGOẠI TỆ 0035765432198

Năm 2010

Nơi mở tài khoản giao dịch: Ngân hàng công thương Hải Phòng

Tài khoản: 112

Loại: USD

Ngày tháng ghi số	Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Thu (gửi vào)	Chi (Rút ra)	Còn lại
	SH	NT					
					Quy ra VNĐ	Quy ra VNĐ	Quy ra VNĐ
			Số dư đầu tháng				387.549.540
			Số phát sinh trong tháng				
06/12	GBC 0612	06/12	Thu nợ phải thu bằng ngoại tệ	131	391.854.400		
08/12	UNC 1512	15/12	Rút ngoại tệ về nhập quỹ	111		742.061.500	
		
15/12	SP 289	15/12	Trả phí giao nhận cho Công ty giấy STATEWAY Đài Loan	331		102.080.000	
	Cộng phát sinh trong kỳ				768.980.876	890.876.748	
			Số dư cuối tháng				265.653.668

Người ghi sổ

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Giám đốc

(Ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu 2.21: Trích Sổ tiền gửi ngân hàng USD tháng 12 năm 2010

Hoàn thiện công tác kế toán vốn bằng tiền tại Công ty cổ phần Cảng Đoạn Xá

Công ty cổ phần Cảng Đoạn Xá
Số 15 – Ngô Quyền – Hải Phòng

Mẫu số 02c - DN
(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC

SỔ NHẬT KÝ CHUNG
Tháng 12 năm 2010

ĐVT: VNĐ

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Đã ghi sổ cái	TK ĐƯ	Số phát sinh	
	Số hiệu	Ngày tháng				Nợ	Có
						
31/12/2010	SP 0125	02/12/2010	Nộp tiền vào ngân hàng	x	112	100.000.000	
31/12/2010	SP 0125	02/12/2010	Nộp tiền vào ngân hàng	x	111		100.000.000
						
06/12/2010	GBC 0612	06/12/2010	Thu nợ phải thu bằng ngoại tệ	x	112	391.854.400	
06/12/2010	GBC 0612	06/12/2010	Thu nợ phải thu bằng ngoại tệ	x	131		391.854.400
....				
08/12/2010	UNC 0812	08/12/2010	Trả tiền cước vận chuyển	x	627	20.000.000	
08/12/2010	UNC 0812	08/12/2010	Trả tiền cước vận chuyển	x	133	1.000.000	
08/12/2010	UNC 0812	08/12/2010	Trả tiền cước vận chuyển	x	112		21.000.000
						
15/12/2010	UNC 1512	15/12/2010	Bán ngoại tệ cho NH nhận tiền mặt.	x	111	742.061.500	
15/12/2010	UNC 1512	15/12/2010	Bán ngoại tệ cho NH nhận tiền mặt.	x	112		742.061.500
						
31/12/2010	GBC 3112	31/12/2010	Ngân hàng trả lãi tiền gửi	x	112	2.999.315	
31/12/2010	GBC 3112	31/12/2010	Ngân hàng trả lãi tiền gửi	x	515		2.999.315
						
			Tổng cộng			1.234.413.556.973	1.234.413.556.973

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)
Biểu 2.22: Sổ nhật ký chung

Ngày 31 tháng 12 năm 2010
Giám đốc
(Ký tên, đóng dấu)

Hoàn thiện công tác kế toán vốn bằng tiền tại Công ty cổ phần Cảng Đoạn Xá

Công ty cổ phần Cảng Đoạn Xá
Số 15 – Ngô Quyền – Hải Phòng

Mẫu số 02c - DN
(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC

SỔ CÁI
Năm 2010
Tài khoản 112: Tiền gửi ngân hàng

ĐVT: VNĐ

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Số phát sinh	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
			<i>Số dư đầu tháng</i>		995.618.605	
					
02/12/2010	SP0125	02/12/2010	Nộp tiền vào ngân hàng	111	100.000.000	
					
06/12/2010	GBC 0612	06/12/2010	Thu nợ phải thu bằng ngoại tệ	131	391.854.400	
...			
08/12/2010	UNC 0812	08/12/2010	Trả tiền cước vận chuyển	627		20.000.000
08/12/2010	UNC 0812	08/12/2010	Trả tiền cước vận chuyển	133		1.000.000
					
15/12/2010	UNC 1512	15/12/2010	Bán ngoại tệ cho NH nhận tiền mặt.	111		742.061.500
					
			<i>Cộng phát sinh</i>			
			<i>Số dư cuối tháng</i>		1.803.436.780	1.429.546.730
					1.396.508.655	

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Ngày 31 tháng 12 năm 2010
Giám đốc
(Ký tên, đóng dấu)

Biểu 2.23: Sổ cái TK 112

CHƯƠNG III

MỘT SỐ GIẢI PHÁP NHẪM HOÀN THIỆN TỔ CHỨC CÔNG TÁC KẾ TOÁN VỐN BẰNG TIỀN TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG ĐOẠN XÁ

3.1 Đánh giá chung về công tác kế toán vốn bằng tiền tại Công ty cổ phần Cảng Đoạn Xá.

Trong suốt quá trình sản xuất kinh doanh của Công ty từ khi thành lập đến nay, Công ty đã phải trải qua biết bao những khó khăn phức tạp để tồn tại cạnh tranh và phát triển. Trong suốt những năm qua ban lãnh đạo Công ty cùng toàn thể cán bộ công nhân viên đã từng bước tháo gỡ những khó khăn, vượt qua thử thách, dần dần khẳng định vị trí của mình. Đó là kết quả phấn đấu bền bỉ, liên tục trong toàn công ty. Kết quả đó không chỉ đơn thuần là sự tăng trưởng về mặt vật chất mà còn là sự lớn mạnh toàn diện về trình độ quản lý, làm việc của Công ty. Điều đó góp phần không nhỏ mang lại công ăn việc làm cho những người lao động và góp phần không nhỏ vào ngân sách nhà nước.

Để có được những thành tựu đó không thể không kể đến sự đóng góp của bộ máy kế toán. Bộ máy kế toán của Công ty được tổ chức tương đối chặt chẽ với những cán bộ công nhân viên có trình độ, có năng lực và nhiệt tình trong công việc. Việc bố trí nhiệm vụ phù hợp với trình độ, khả năng của mỗi người đã góp phần đặc lực vào công tác hạch toán và quản lý tài chính kinh tế trong Công ty. Trong nội bộ phòng kế toán luôn quán triệt chế độ trách nhiệm, mỗi người đều có nhiệm vụ cụ thể, rõ ràng nhưng lại có mối quan hệ mật thiết với nhau về nghiệp vụ đảm bảo số liệu hạch toán được kịp thời, chính xác và thông suốt. Đây chính là kết quả của quá trình hợp lý hóa bộ máy kế toán của Công ty. Mỗi nhân viên trong phòng đều hiểu rõ trách nhiệm làm tốt chức năng nhiệm vụ được giao của mình, luôn học hỏi để nâng cao trình độ nghiệp vụ chuyên môn. Đảm bảo nguyên tắc tập trung dân chủ làm cho bộ máy kế toán gọn nhẹ và vững mạnh, tạo điều kiện cho từng người và toàn bộ, bộ máy kế toán hoàn thành nhiệm vụ với hiệu suất chất lượng cao.

Qua thời gian tìm hiểu thực trạng công tác kế toán vốn bằng tiền tại Công ty cổ phần Cảng Đoạn Xá. Em nhận thấy công tác kế toán nói chung và công tác kế toán vốn bằng tiền nói riêng tại Công ty có những ưu điểm và hạn chế sau:

3.1.1 Ưu điểm về công tác kế toán vốn bằng tiền tại Công ty cổ phần Cảng Đoạn Xá:

❖ Về tổ chức bộ máy kế toán

Để đáp ứng yêu cầu quản lý công tác hạch toán kế toán nói chung và công tác kế toán vốn bằng tiền nói riêng ở Công ty đã được quan tâm chú trọng ở một mức độ nhất định cùng với các biện pháp quản lý kinh tế nói chung. Với mô hình kế toán phân tán, công tác kế toán ở Công ty được tổ chức có kế hoạch, sắp xếp và bố trí cán bộ nhân viên kế toán phù hợp với năng lực trình độ bản thân nên chất lượng công tác kế toán được nâng cao, phục vụ cho quá trình ghi chép, quản lý, lưu trữ luân chuyển chứng từ chính xác, hiệu quả cao. Phương pháp hạch toán kế toán của Công ty tuân theo chế độ kế toán mới, các chứng từ sổ sách rõ ràng, chính xác, đúng trình tự tạo điều kiện cho việc kiểm tra của lãnh đạo Công ty về kết quả kinh doanh.

❖ Về chứng từ kế toán và tổ chức luân chuyển chứng từ:

Các thủ tục chứng từ liên quan đến việc hạch toán vốn bằng tiền được thực hiện đầy đủ. Từ những công việc hạch toán ban đầu đến việc kiểm tra tính hợp lý của các chứng từ được tiến hành một cách cẩn thận, đảm bảo số liệu phản ánh trung thực, hợp lý rõ ràng và dễ hiểu. Trong công tác theo dõi vốn bằng tiền, kế toán vốn bằng tiền tiến hành chặt chẽ theo quy định luân chuyển chứng từ. Chứng từ được lưu trữ và đóng quyển theo thứ tự để thuận lợi cho việc kiểm tra, thanh tra, tổ chức hệ thống báo cáo tài chính và báo cáo thống kê nội bộ đầy đủ kịp thời để lãnh đạo nắm bắt tình hình nhanh chóng.

❖ Về sổ sách kế toán:

Kế toán tổng hợp đã mở đầy đủ các sổ sách cần thiết để theo dõi thu chi tiền mặt, tiền gửi ngân hàng như: Sổ quỹ tiền mặt, sổ tiền gửi ngân hàng, sổ cái tiền mặt, sổ cái tiền gửi ngân hàng. Các số liệu trên sổ sách có tính đối chiếu cao, đáp ứng kịp thời và đầy đủ nhu cầu về vốn cho sản xuất và kinh doanh.

❖ **Về cập nhập thông tin.**

Kế toán thường xuyên nắm vững và vận dụng những thông tư, quyết định mới của Bộ tài chính và hạch vốn bằng tiền. Hơn thế, trước những thay đổi một số quy định về phương pháp hạch toán kế toán tại một số phần hành Công ty đã kịp thời cập nhập để thay đổi sao cho phù hợp với chuẩn mực kế toán mới.

❖ **Về đội ngũ cán bộ công nhân viên:**

Hiện nay, trong nền kinh tế thị trường, các doanh nghiệp lao vào cuộc cạnh tranh nhau để chứng tỏ mình là một doanh nghiệp có tiềm năng nhằm thu hút vốn đầu tư tạo ra lợi nhuận cao nhất. Muốn làm được điều này, thì các nhà quản lý cần phải có chiến lược cạnh tranh, nghiên cứu thị trường để khai thác một cách có hiệu quả nhất để đạt được lợi nhuận trong kinh doanh. Một biện pháp quan trọng đó là nâng cao công tác kế toán. Tại Công ty ban lãnh đạo Công ty đã rất chú trọng tới vấn đề này. Phòng kế toán thường xuyên chú trọng công tác đào tạo bồi dưỡng nghiệp vụ cho các cán bộ kế toán, tất cả các cán bộ đều có trình độ đại học. Đó là điều kiện hết sức thuận lợi và cùng với sự phân công, phân nhiệm rõ ràng cho từng người đã tạo lên bộ máy hoàn chỉnh. Cả phòng kế toán làm việc ăn khớp nhịp nhàng, có hiệu quả, cung cấp số liệu cụ thể, chính xác và chi tiết và tổng hợp cho những nhà quản lý một cách đầy đủ, kịp thời nhằm thực hiện tốt nhất công tác kế toán nói chung và công tác kế toán vốn bằng tiền nói riêng.

Công ty có đội ngũ cán bộ kế toán có năng lực, trình độ, kinh nghiệm, làm việc với tinh thần trách nhiệm cao, yêu nghề.

Công ty còn luôn quan tâm đến việc nâng cao trình độ của cán bộ công nhân viên trong toàn Công ty nói chung và phòng kế toán nói riêng bằng cách gửi nhân viên đi học các lớp đào tạo nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ mở rộng tầm hiểu biết đáp ứng kịp thời những thay đổi chuyên môn nghiệp vụ mở rộng tầm hiểu biết đáp ứng kịp thời những thay đổi của chế độ kế toán hiện hành.

Trong công tác theo dõi vốn bằng tiền: Kế toán luôn cập nhập, phản ánh đầy đủ tình hình biến động tăng giảm vốn bằng tiền lên hệ thống sổ sách của công ty: Sổ quỹ, sổ tiền gửi, sổ nhật ký chung, sổ cái TK 111, 112 và sổ cái các tài khoản liên quan.

+ Về kế toán tiền mặt tại quỹ: Công ty thực hiện theo chế độ kế toán hiện hành về nguyên tắc quản lý tiền mặt: mọi khoản thu, chi, bảo quản tiền mặt đều do thủ quỹ thực hiện. Tất cả các khoản thu, chi đều có chứng từ hợp lệ và chữ ký của kế toán trưởng, thủ trưởng đơn vị, thủ quỹ và kế toán tiền mặt độc lập với nhau, chi thực hiện đối chiếu tất quả.

+ Về kế toán tiền gửi ngân hàng: Kế toán liên hệ chặt chẽ và có quan hệ tốt với phía ngân hàng. Tập hợp, theo dõi đầy đủ các chứng từ và đối chiếu với ngân hàng. Tiền gửi ngân hàng được hạch toán chi tiết trên hai tài khoản tiền gửi VND và USD: TK 1121, 1122.

+ Kế toán vốn bằng tiền còn được sự theo dõi, kiểm tra, giám sát chặt chẽ của kế toán tổng hợp, kế toán trưởng.

- Về công tác thu hồi công nợ phải thu: Công ty thực hiện khá tốt. Đến cuối năm Công ty đã thu hồi được gần hết công nợ phải thu tránh được tình trạng bị chiếm dụng vốn nâng cao hiệu quả kinh doanh.

- Công ty hạch toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên phù hợp với tình hình nhập, xuất vật tư diễn ra tại Công ty. Phương pháp này đảm bảo cung cấp thông tin thường xuyên, chính xác về tình hình biến động của nguyên vật liệu trên các mặt: xuất dùng và dự trữ... tạo ra sự quản lý và bảo quản tốt cả về số lượng và giá trị.

3.1.2. Nhược điểm:

Bên cạnh những ưu điểm trên, công tác kế toán nói chung và công tác hạch toán vốn bằng tiền nói riêng tại Công ty vẫn còn tồn tại những hạn chế nhất định của một doanh nghiệp mới đi vào hoạt động:

- Về hạch toán ngoại tệ: Do các nghiệp vụ về ngoại tệ của Công ty ít phát sinh nên kế toán chỉ sử dụng tỷ giá thực tế để ghi sổ, chênh lệch tỷ giá trong một năm biến động không đáng kể nên kế toán không phản ảnh khoản chênh lệch tỷ giá. Điều này sẽ giúp kế toán đơn giản hơn trong việc ghi chép, theo dõi công nợ nhưng nó sẽ làm cho việc phản ánh doanh thu, chi phí của Công ty chưa thực sự chính xác, vì trong điều kiện nền kinh tế thị trường hiện nay, tỷ giá hối đoái thường xuyên thay đổi lên xuống nên việc phát sinh các khoản chênh lệch tỷ giá là không

thể tránh khỏi. Kế toán cũng không phản ánh nguyên tệ trên TK007. Như vậy là không đúng quy định về hạch toán ngoại tệ.

- Về công tác hạch toán chi phí: Công ty không sử dụng TK 635-chí phí tài chính, mà những chi phí liên quan đến tài khoản đó đều được hạch toán vào tài khoản TK 642- chi phí quản lý doanh nghiệp. Như vậy là không đúng với chế độ kế toán hiện hành.

- Công ty tổ chức công tác kế toán vốn bằng tiền theo Quyết định số 15/BTC - 2006 nhưng thực tế hệ thống chứng từ sử dụng tại Công ty lại theo mẫu chưa chính xác của riêng Công ty. Vì vậy Công ty cần tổ chức lại hệ thống chứng từ sổ sách theo đúng mẫu quy định của chế độ kế toán hiện hành, đảm bảo sự thông suốt, thống nhất trong khâu hạch toán các nghiệp vụ phát sinh: Hiện nay, mẫu sổ tiền gửi ngoại tệ thiếu cột nguyên tệ nên không thể hiện được sự biến động của nguyên tệ.

- Kế toán công ty nhiều khi chưa hạch toán được kịp thời tình hình biến động tăng, giảm vốn bằng tiền từ đó dẫn đến thiếu sót, không chính xác.

- Việc thanh toán thông qua hệ thống ngân hàng chưa được tận dụng một cách triệt để, có nhiều khoản tiền lớn được thực hiện tại quỹ ảnh hưởng lớn đến vấn đề an toàn tiền quỹ. Công ty chưa dùng séc trong chi trả mà chỉ dùng séc khi rút tiền nhập quỹ.

- Khả năng huy động và sử dụng vốn của Công ty còn hạn chế, xuất phát từ khả năng tích lũy của Công ty chưa cao do hoạt động chủ yếu là gia công xuất khẩu. Công ty chỉ nhận được phí gia công rất thấp nên tỷ lệ tích lũy vốn là không đáng kể. Chi phí về lao động, máy móc thiết bị nhà xưởng, chi phí quản lý, chi phí vận tải, thủ tục hải quan, lãi vay ngân hàng... gây sức ép lớn. Điều này chính là một trong những nguyên nhân ảnh hưởng đến tiêu cực đến khả năng cạnh tranh của Công ty trên thị trường.

- Mặc dù đã cố gắng rất lớn trong việc giảm bớt khối lượng tính toán và hệ thống sổ sách nhưng việc ghi chép vẫn thực hiện thủ công, máy tính chỉ giúp phần tính toán nên khối lượng công việc mà kế toán phải làm là rất vất vả và ảnh hưởng đến tiến độ công việc.

- Trình độ tổ chức quản lý của Công ty chưa theo kịp yêu cầu thị trường nên khó khai thác đúng mức tiềm năng của ngành. Trình độ của công nhân chưa cao, chưa đào tạo chuyên sâu không có đội ngũ thiết kế sản phẩm mẫu mã do phía nước ngoài cung cấp, bộ phận kỹ thuật mẫu chỉ mới dừng lại ở việc chế thử mẫu do bên nước ngoài cung cấp. Đồng thời trình độ học vấn ban đầu của người lao động còn thấp nên tiếp thu khoa học kỹ thuật mới còn hạn chế thiếu sáng tạo. Có những trường hợp do sơ xuất từ phía công nhân may, hoàn chỉnh...gây lỗi sản phẩm mà cả lô hàng đó Công ty phải bồi thường cho khách hàng. Điều này gây thiệt hại cho Công ty cả về kinh tế và uy tín đối với khách hàng.

- Đối với thị trường nước ngoài: Công ty hoàn toàn thiếu thông tin, Công ty chủ yếu dựa vào ban tiếp xúc thương mại Phòng Công nghiệp - Thương mại Việt Nam qua báo chí. Thiếu thông tin Công ty gặp nhiều khó khăn cho việc đánh giá tiềm năng của khách hàng, đàm phán tính toán phí gia công với khách hàng nên bị lợi dụng ép giá.

3.2. Một số giải pháp nhằm hoàn thiện tổ chức công tác kế toán vốn bằng tiền tại Công ty cổ phần Cảng Đoạn Xá:

Ngày nay, kế toán không chỉ làm công việc tính toán ghi chép đơn thuần về tài sản và sự vận động của tài sản, mà nó còn là một bộ phận chủ yếu của hệ thống thông tin, là công cụ quản lý thiết yếu. Dựa trên những thông tin trung thực, chính xác nhà quản trị mới có thể đưa ra được những quyết định kinh doanh hữu hiệu nhất. Như vậy về mặt sử dụng thông tin, kế toán là một công cụ không thể thiếu trong công cụ quản lý kinh doanh có hiệu quả, giúp nhà quản lý đánh giá được các hoạt động của mọi tổ chức, mọi doanh nghiệp.

Đối với doanh nghiệp, yếu tố thị trường và cơ chế quản lý có ảnh hưởng rất lớn tới tổ chức công tác kế toán, do vậy cần phải thấy được những đặc trưng của nền kinh tế thị trường và sự tác động của các nhân tố khác tới việc tổ chức công tác kế toán để tìm ra các biện pháp nhằm hoàn thiện tổ chức công tác kế toán, đáp ứng được các yêu cầu của quản lý doanh nghiệp mà thực tiễn đặt ra. Muốn vậy, việc hoàn thiện tổ chức công tác kế toán trong doanh nghiệp nói chung và tổ chức công tác kế toán vốn bằng tiền nói riêng cần phải tuân theo các yêu cầu sau:

- Phải tuân thủ chế độ tài chính và chế độ kế toán hiện hành.

Hoạt động trong nền kinh tế thị trường, các doanh nghiệp phải chịu sự quản lý, điều hành và kiểm soát của Nhà nước bằng pháp luật và các biện pháp hành chính, các công cụ quản lý kinh tế. Chính vì vậy, các biện pháp nhằm hoàn thiện công tác tổ chức kế toán phải dựa trên chế độ quản lý tài chính và chế độ kế toán hiện hành, có như vậy kế toán mới thực sự là công cụ quản lý không chỉ trong phạm vi doanh nghiệp mà của cả Nhà nước đối với các doanh nghiệp trong nền kinh tế quốc dân. Việc tuân thủ chế độ kế toán hiện hành thể hiện từ việc tuân thủ tài khoản sử dụng, phương pháp và trình tự kế toán đến việc sử dụng hệ thống sổ kế toán, lập báo cáo.

- Phải phù hợp với đặc điểm kinh doanh của Công ty.

Nền kinh tế nước ta hiện nay là nền kinh tế nhiều thành phần, mỗi doanh nghiệp có những đặc điểm sản xuất kinh doanh cũng như yêu cầu quản lý riêng. Nhà nước ban hành các chính sách, các quy định chung cho tất cả các doanh nghiệp chỉ mang tính chất định hướng, hướng dẫn cho các doanh nghiệp, các doanh nghiệp phải biết vận dụng một cách linh hoạt, phù hợp cũng cần đảm bảo sự thống nhất về phương pháp đánh giá, về việc sử dụng chứng từ, tài khoản cũng như hệ thống sổ sách báo cáo.

- Phải đáp ứng việc cung cấp thông tin kịp thời, chính xác

Đây là yêu cầu không thể thiếu được trong tổ chức công tác kế toán nói chung và kế toán vốn bằng tiền nói riêng. Kế toán là khoa học thu nhận, xử lý thông tin phục vụ cho yêu cầu quản lý của các nhà quản trị doanh nghiệp. Do vậy hoàn thiện công tác kế toán phải đáp ứng được yêu cầu đối với thông tin là phải kịp thời, chính xác, phù hợp giúp việc ra quyết định đạt kết quả tối ưu.

- Tổ chức công tác kế toán phải đảm bảo nguyên tắc tiết kiệm, hiệu quả.

Mục đích hoạt động của các doanh nghiệp là tối đa hoá lợi nhuận. Để đạt được mục tiêu này, cùng với việc không ngừng tăng doanh thu các doanh nghiệp cần phải có các biện pháp hữu hiệu hạ thấp chi phí có thể được, đây là một yêu cầu tất yếu đặt ra với các doanh nghiệp trong nền kinh tế thị trường.

Qua thời gian thực tập tại Công ty cổ phần Cảng Đoạn Xá căn cứ vào những tồn tại và khó khăn hiện nay trong công tác tổ chức kế toán của Công ty, căn cứ vào Quy

định của Nhà nước và Bộ Tài chính. Đồng thời với sự giúp đỡ nhiệt tình của giáo viên hướng dẫn và Phòng kế toán Công ty, kết hợp với lý luận đã học tại trường. Em xin đề xuất một số ý kiến sau đây hi vọng sẽ góp phần hoàn thiện hơn tổ chức công tác kế toán và nâng cao hiệu quả sử dụng vốn bằng tiền tại Công ty.

3.2.1. Hoàn thiện công tác hạch toán ngoại tệ

Trong hạch toán ngoại tệ hiện nay: do các nghiệp vụ về ngoại tệ của Công ty ít phát sinh nên kế toán chỉ sử dụng tỷ giá thực tế để ghi sổ, Công ty không phản ánh khoản chênh lệch tỷ giá, như vậy là không đúng với chế độ kế toán hiện hành. Vì vậy kế toán phải phản ánh khoản chênh lệch tỷ giá trên tài khoản doanh thu và chi phí tài chính (TK 515 và TK 635) và ghi nhận nguyên tệ trên TK 007 để phù hợp với quy định về hạch toán ngoại tệ.

Ví dụ: Trong mục 2.2.2

VD1: Thu nợ phải thu bằng ngoại tệ:

Ngày 06/12/2010 Chi nhánh công ty nhận được giấy báo Có từ ngân hàng Thông báo Công ty BACHY – SOLETANCE Hoa Kỳ trả tiền phí giao nhận hàng hóa tháng 11 số tiền là 18,976 USD tỷ giá giao dịch thực tế: 20.650 VND/USD. Tỷ giá ghi nhận nợ phải thu kế toán sử dụng tỷ giá đã thỏa thuận với Công ty BACHY – SOLETANCE Hoa Kỳ là: 20.550 VND/USD.

Kế toán đã hạch toán:

+> Nợ TK 1122: $20.650 \times 18,976 = 391.854.400$ (Theo tỷ giá thực tế)

Có TK 131: $20.650 \times 18,976 = 391.854.400$ (Theo tỷ giá thực tế)

Theo nguyên tắc, chế độ kế toán hiện hành, nghiệp vụ trên phải được hạch toán như sau:

Nợ TK 1122: $20.650 \times 18,976 = 391.854.400$ (Theo tỷ giá thực tế)

Có TK 515: 1.897.600

Có TK 131: $20.550 \times 18,976 = 356.748.800$ (Theo tỷ giá ghi sổ nợ phải thu)

Đồng thời ghi Nợ TK 007: 18,976

3.2.2 Hoàn thiện phương pháp hạch toán chi phí:

Về công tác hạch toán chi phí: Công ty không sử dụng TK 635-chí phí tài chính, mà những chi phí liên quan đến tài khoản đó đều được hạch toán vào tài khoản TK 642- chi phí quản lý doanh nghiệp...theo chế độ hiện hành, chỉ những chi phí nào liên quan đến quản lý chung thì mới được hạch toán vào cho phí quản lý doanh nghiệp. Như vậy là không hợp lý, chưa tôn trọng các nguyên tắc kế toán.

Vì vậy kế toán tại Chi nhánh Công ty phải hoàn thiện lại phương pháp hạch toán chi phí để phù hợp với chế độ kế toán hiện hành và yêu cầu, nhiệm vụ của kế toán trong giai đoạn mới

Theo chế độ kế toán hiện hành TK 635 có kết cấu như sau:

TK này dùng để phản ánh các khoản chi phí hoạt động tài chính của doanh nghiệp:

Bên nợ:

- ✓ Chi phí lãi tiền vay, lãi mua hàng trả chậm, lãi thuê TS tài chính
- ✓ Lỗ bán ngoại tệ
- ✓ Chiết khấu thanh toán cho người mua
- ✓ Các khoản lỗ do thanh lý, nhượng bán các khoản đầu tư
- ✓ Lỗ tỷ giá hối đoái phát sinh trong kỳ kinh doanh
- ✓ Các khoản chi phí tài chính khác

Bên có:

- ✓ Các khoản giảm chi phí TC
- ✓ Cuối kỳ kết chuyển chi phí tài chính phát sinh trong kỳ sang TK 911

VD: Trong mục 2.2.1

-Ví dụ 3 Chi nhánh công ty trả lãi vay ngân hàng, kế toán hạch toán vào TK 642

Nợ TK 642: 4.800.000

Có TK 111: 4.800.000

Theo nguyên tắc, Nghiệp vụ trên phải được hạch toán như sau:

Nợ TK 635: 4.800.000

Có TK 111: 4.800.000

3.2.3 Hoàn thiện về hệ thống sổ chi tiết tại Công ty

Chi nhánh Công ty tổ chức công tác kế toán vốn bằng tiền theo Quyết định số 15/BTC - 2006 nhưng thực tế một số sổ kế toán chưa theo đúng mẫu quy định của chế độ kế toán hiện hành, đảm bảo sự thông suốt, thống nhất trong khâu hạch toán các nghiệp vụ phát sinh:

- Hiện nay, mẫu sổ tiền gửi ngoại tệ thiếu cột nguyên tệ nên không thể hiện được sự biến động của nguyên tệ

Vì vậy Công ty nên sửa đổi theo mẫu như sau(Biểu 3.1):

Mẫu số S13 – H

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ – BTC)

Ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ THEO DÕI TIỀN GỬI BẰNG NGOẠI TỆ

Năm...

Nơi mở tài khoản giao dịch

Tài khoản:.....

Loại:

Ngày tháng ghi số	Chứng từ		Diễn giải	Tỷ giá ngoại tệ	TK ĐƯ	Thu (gửi vào)		Chi (Rút ra)		Còn lại		Ghi chú
	SH	NT				Nguyên tệ	Quy ra VNĐ	Nguyên tệ	Quy ra VNĐ	Nguyên tệ	Quy ra VNĐ	
			Số dư đầu tháng									
			Số phát sinh trong tháng									
			...									
			...									
			...									
			...									
			Cộng phát sinh trong kỳ									
			Số dư cuối tháng									

Người ghi sổ

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Giám đốc

(Ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu 3.1: Trích Sổ tiền gửi ngân hàng USD

Mẫu số S13 – H

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ – BTC

Ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ THEO DÕI TIỀN GỬI BẰNG NGOẠI TỆ

Năm 2010

Nơi mở tài khoản giao dịch: Ngân hàng công thương Hải Phòng

Tài khoản: 112

Loại: USD

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Tỷ giá ngoại tệ (hoặc đơn giá)	TK ĐU	Thu (gửi vào)		Chi (Rút ra)		Còn lại		Ghi chú
	SH	NT				Nguyên tệ	Quy ra VNĐ	Nguyên tệ	Quy ra VNĐ	Nguyên tệ	Quy ra VNĐ	
			Số dư đầu tháng	20.560						18.849	387.549.540	
			Số phát sinh trong tháng									
06/12	GBC 0612	06/12	Thu nợ phải thu bằng ngoại tệ	20.650	131, 515	18.976	391.854.400					
08/12	UNC 0812	08/12	Rút ngoại tệ về nhập quỹ	20.750	111			35.762	742.061.500			
			
15/12	SP 289	15/12	Trả phí giao nhận cho Công ty giấy STATEWAY Đài Loan	20.550	331			5.500	113.025.000			
	Cộng phát sinh trong kỳ						768.980.876		890.876.748			
			Số dư cuối tháng	20.650		37.283	768.980.876	43.141	890.876.748	12.991	265.653.668	

Người ghi sổ

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Giám đốc

(Ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu 3.2 : Trích Sổ tiền gửi ngân hàng USD tháng 12 năm 2010

3.2.4 Một số giải pháp khác nhằm hoàn thiện tổ chức kế toán vốn bằng tiền tại Công ty:

3.2.4.1 Hoàn thiện việc thanh toán thông qua hệ thống ngân hàng

Việc thanh toán thông qua hệ thống ngân hàng nên sử dụng một cách triệt để, đối với những khoản tiền lớn nên thực hiện thanh toán qua ngân hàng để đảm bảo vấn đề an toàn tiền quỹ của công ty cũng như khả năng sinh lời của tiền. Việc thanh toán qua hệ thống ngân hàng sẽ đảm bảo an toàn cho quỹ tiền mặt, an toàn cho quá trình vận chuyển.

3.2.4.2 Hoàn thiện việc kiểm kê quỹ vào cuối tháng hoặc định kỳ:

Việc kiểm kê quỹ của Công ty được tiến hành định kỳ vào cuối quý, cuối năm. Vì thế khi muốn kiểm tra đột xuất thì Công ty không có số liệu để đối chiếu, kiểm tra kịp thời. Vì vậy Công ty nên tiến hành kiểm kê vào cuối mỗi tháng hoặc định kỳ khi cần thiết có thể kiểm kê đột suất hoặc khi bàn giao quỹ, biên bản kiểm kê phải ghi rõ số hiệu chứng từ và thời điểm kiểm kê.

Trước khi kiểm kê quỹ, thủ quỹ phải ghi sổ quỹ tất cả các phiếu thu, phiếu chi và tính số dư tồn quỹ đến thời điểm kiểm kê.

Khi tiến hành kiểm kê phải tiến hành kiểm kê riêng từng loại tiền có trong quỹ, và khi có sự chênh lệch phải ghi rõ nguyên nhân gây ra thừa thiếu và phải báo cáo giám đốc doanh nghiệp xem xét và giải quyết.

Bảng kiểm kê quỹ phải được lập thành hai bản: Một bản lưu ở thủ quỹ, một bản phải lưu ở kế toán quỹ tiền mặt hoặc kế toán thanh toán.

Ưu điểm: Giúp cho các nhà quản lý nắm được số tồn quỹ thực tế, số tiền thừa thiếu so với sổ quỹ để có biện pháp tốt hơn trong việc tăng cường quản lý quỹ làm cơ sở quy trách nhiệm vật chất, ghi sổ kế toán chênh lệch.

Bảng kiểm kê quỹ tiền mặt được lập theo mẫu sau:

Đơn vị:.....

Mẫu số 08a-TT

Địa chỉ:.....

Theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC

Ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC

BẢNG KIỂM KÊ QUỸ

(Dùng cho VNĐ)

Hôm nay, vào....ngày....giờ....tháng....năm....

Chúng tôi gồm:

Ông/bà: Đại diện kế toán

Ông/bà Đại diện thủ quỹ

Ông/bà Đại diện.....

Cùng tiến hành kiểm kê quỹ tiền mặt, kết quả như sau:

STT	Diễn giải	Số lượng(Tờ)	Số tiền
A	B	1	2
I	Số dư theo sổ quỹ	X
II	Số kiểm kê thực tế	X
1	Trong đó:- Loại		
2	- Loại		
3	- Loại		
4	- Loại		
5		
III	Chênh lệch(III=I-II)	X	

Lý do:+ Thừa.....

+ Thiếu

Kết luận kiểm kê quỹ:

Kế toán trưởng

Thủ quỹ

Người chịu trách nhiệm kiểm kê

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

quỹ

(Ký, họ tên)

Biểu 3.3 Bảng kiểm kê quỹ

3.2.4.3 Hoàn thiện về hiện đại hóa công tác kế toán:

Cùng với sự phát triển ngày càng cao của khoa học kỹ thuật, xu hướng phát triển nhanh chóng trên toàn thế giới, việc áp dụng công nghệ thông tin vào kế toán là rất cần thiết.

Việc áp dụng tiên bộ của khoa học kỹ thuật vào trong công tác kế toán có chi phí đầu vào không cao nhưng hiệu quả mang lại rất lớn. Nó giúp giảm nhẹ rất nhiều khối lượng công việc của kế toán viên, nâng cao độ tin cậy, độ chính xác của con số trong kế toán.

Công ty nên sử dụng phần mềm kế toán vì hiện nay trên thị trường có rất nhiều phần mềm kế toán hiện đại, tiện lợi, dễ sử dụng, hiệu quả mà giá cả phải chăng.

Trên thị trường hiện nay có khoảng 30 phần mềm kế toán Secret, Fast Financial, Misa sme.net 2010, 3S Accounting ... mỗi phần mềm đều có những tính năng và ưu điểm riêng. Sau đây em xin giới thiệu qua một số phần mềm kế toán:

Phần mềm kế toán Secret: được xây dựng và phát triển trên nhu cầu hoạt động sản xuất kinh doanh thực tế của doanh nghiệp tuân thủ theo đúng quy định mới nhất của bộ tài chính Việt Nam hiện hành dễ dàng sử dụng, triển khai nhanh, chi phí thấp. Sản phẩm luôn đáp ứng đủ yêu cầu quản lý của doanh nghiệp về theo dõi bán hàng, mua hàng, công nợ, chi phí hàng tồn kho...

Phần mềm kế toán Metadata Accounting: được phát triển trên cơ sở phân tích tỷ mỉ bao trùm hết các phần hành kế toán của các loại doanh nghiệp. Với tiêu chí “Đơn giản hóa, dễ sử dụng, đáp ứng tối đa nhu cầu quản lý kế toán của doanh nghiệp”. Đây là phần mềm có hiệu quả cao trong công tác kế toán tài chính, Quản trị doanh nghiệp phù hợp với loại hình doanh nghiệp: Thương mại, dịch vụ sản xuất và xây lắp.

Phần mềm kế toán Misa sme.net 2010 gồm 13 phân hệ được thiết kế cho doanh nghiệp vừa và nhỏ với mục tiêu giúp doanh nghiệp không cần đầu tư nhiều chi phí, không cần hiểu biết về tin học và kế toán mà vẫn có thể sử

hữu và làm chủ được hệ thống phần mềm kế toán quản lý mọi hoạt động kinh tế phát sinh của mình, đặc biệt Misa sme.net 2010 hỗ trợ doanh nghiệp tạo mẫu, phát minh, in, quản lý sử dụng hóa đơn theo NĐ 51/2010/NĐ-CP.

Trên đây là những nét sơ qua về 3 phần mềm kế toán. Trong thời gian tới hy vọng với sự phát triển của mình công ty sẽ khắc phục được khó khăn, ứng dụng phần mềm cho công tác kế toán.

\

KẾT LUẬN

Công tác kế toán vốn bằng tiền trong các doanh nghiệp là vô cùng cần thiết vì nó rất quan trọng. Thông qua công tác kế toán vốn bằng tiền giúp cho nhà quản lý doanh nghiệp nắm bắt được tình hình tăng giảm của vốn bằng tiền, từ đó có kế hoạch sử dụng vốn bằng tiền sao cho hợp lý để thúc đẩy sản xuất kinh doanh

Qua thời gian thực tập tại Công ty cổ phần Cảng Đoạn Xá, cùng với sự chỉ bảo giúp đỡ tận tình của các cô chú phòng kế toán và cô giáo hướng dẫn. Em đã tìm hiểu được sâu hơn về công tác hạch toán kế toán nói chung và công tác kế toán vốn bằng tiền nói riêng.

Cũng trong thời gian thực tập này em đã nhận thức được rằng lý luận phải gắn liền với thực tiễn, phải biết vận dụng linh hoạt lý thuyết đã được học cho phù hợp với tình hình thực tế và cũng tại đây em đã học được nhiều kinh nghiệm bổ ích sau này.

Do hạn chế về hiểu biết lý luận và thực tiễn, hơn nữa thời gian thực tập tại công ty có hạn trong quá trình nghiên cứu. Bài viết này không tránh khỏi những thiếu sót và hạn chế. Em rất mong có được sự đóng góp chỉ bảo của các thầy cô để khóa luận của em được hoàn thiện hơn.

Một lần nữa cho em được bày tỏ lòng biết ơn Ban lãnh đạo tại Công ty cùng toàn thể cô chú trong phòng Tài chính - kế toán của công ty và cảm ơn sự giúp đỡ tận tình của giáo viên hướng dẫn – thạc sĩ Nguyễn Thị Mai Linh đã giúp đỡ em hoàn thành bài báo cáo này.

Em xin chân thành cảm ơn !

Hải Phòng, ngày 29 tháng 06 năm 2011

Sinh viên

Nguyễn Thị Nguyệt